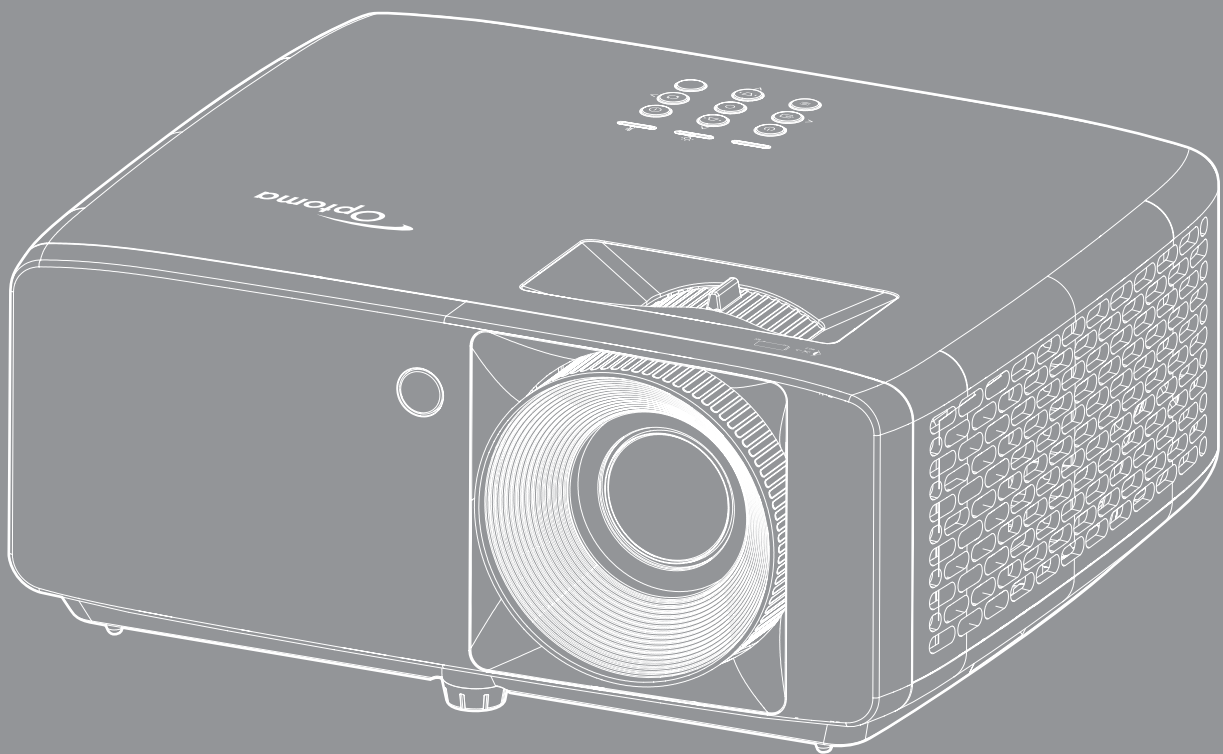


Máy chiếu DLP®



MỤC LỤC



| | |
|---|-----------|
| AN TOÀN | 4 |
| <i>Hướng dẫn về an toàn quan trọng</i> | <i>4</i> |
| <i>Thông tin an toàn bức xạ laser.....</i> | <i>5</i> |
| <i>Bản quyền</i> | <i>7</i> |
| <i>Khước từ trách nhiệm.....</i> | <i>7</i> |
| <i>Nhận biết thương hiệu.....</i> | <i>7</i> |
| <i>FCC</i> | <i>7</i> |
| <i>Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu.....</i> | <i>8</i> |
| <i>WEEE.....</i> | <i>8</i> |
| <i>Lau ống kính.....</i> | <i>8</i> |
| GIỚI THIỆU..... | 9 |
| <i>Tổng quan về gói sản phẩm.....</i> | <i>9</i> |
| <i>Phụ kiện chuẩn.....</i> | <i>9</i> |
| <i>Tổng quan về Sản phẩm</i> | <i>10</i> |
| <i>Các đầu nối</i> | <i>11</i> |
| <i>Bàn phím</i> | <i>12</i> |
| <i>Điều khiển từ xa</i> | <i>13</i> |
| THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT | 14 |
| <i>Lắp đặt máy chiếu</i> | <i>14</i> |
| <i>Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu.....</i> | <i>16</i> |
| <i>Điều chỉnh Hình ảnh chiếu</i> | <i>17</i> |
| <i>Thiết lập điều khiển từ xa</i> | <i>18</i> |
| SỬ DỤNG MÁY CHIẾU | 20 |
| <i>Bật/tắt nguồn máy chiếu.....</i> | <i>20</i> |
| <i>Chọn nguồn vào</i> | <i>21</i> |
| <i>Điều hướng menu và các tính năng</i> | <i>22</i> |
| <i>Sơ đồ menu OSD</i> | <i>23</i> |
| <i>Menu chế độ hình ảnh.....</i> | <i>28</i> |
| <i>Menu dải rộng hình ảnh.....</i> | <i>28</i> |
| <i>Menu độ sáng hình ảnh.....</i> | <i>28</i> |
| <i>Menu độ tương phản hình ảnh</i> | <i>29</i> |
| <i>Menu độ sắc nét hình ảnh.....</i> | <i>29</i> |
| <i>Menu gamma hình ảnh.....</i> | <i>29</i> |
| <i>Menu cài đặt màu sắc hình ảnh</i> | <i>29</i> |
| <i>Menu màu tường hình ảnh</i> | <i>29</i> |
| <i>Menu 3D hình ảnh.....</i> | <i>30</i> |
| <i>Menu thiết lập lại hình ảnh</i> | <i>30</i> |
| <i>Menu Vị trí chiếu hiển thị.....</i> | <i>31</i> |
| <i>Menu chế độ nguồn sáng hiển thị</i> | <i>31</i> |
| <i>Menu mức đen rộng hiển thị.....</i> | <i>31</i> |

| | |
|---|----|
| <i>Menu chế độ chơi game hiển thị</i> | 31 |
| <i>Menu loại màn chiếu hiển thị</i> | 31 |
| <i>Hiển thị menu Tỷ lệ khung hình</i> | 32 |
| <i>Hiển thị menu hiệu chỉnh hình học</i> | 35 |
| <i>Hiển thị menu zoom số</i> | 35 |
| <i>Hiển thị menu Dịch chuyển hình ảnh</i> | 35 |
| <i>Menu thiết lập lại hiển thị</i> | 35 |
| <i>Menu thiết lập mẫu thử</i> | 36 |
| <i>Menu thiết lập ngôn ngữ</i> | 36 |
| <i>Menu thiết lập cài đặt</i> | 36 |
| <i>Menu thiết lập tăng tốc quạt</i> | 36 |
| <i>Menu thiết lập tùy chỉnh nguồn</i> | 36 |
| <i>Thiết lập menu bảo mật</i> | 37 |
| <i>Menu thiết lập logo khởi động</i> | 37 |
| <i>Menu thiết lập màu nền</i> | 37 |
| <i>Menu thiết lập cài lại thiết bị</i> | 37 |
| <i>Menu nguồn vào tự động</i> | 38 |
| <i>Menu tự động chuyển đổi nguồn vào</i> | 38 |
| <i>Menu cài đặt nguồn vào HDMI CEC</i> | 38 |
| <i>Menu thiết lập lại nguồn vào</i> | 38 |
| <i>Menu Âm lượng</i> | 39 |
| <i>Menu Tắt tiếng</i> | 39 |
| <i>Menu loa âm thanh trong</i> | 39 |
| <i>Menu đầu ra âm thanh</i> | 39 |
| <i>Menu thiết lập lại âm thanh</i> | 39 |
| <i>Menu điều chỉnh ID thiết bị</i> | 40 |
| <i>Menu cài đặt điều khiển</i> | 40 |
| <i>Menu cài đặt bàn phím</i> | 40 |
| <i>Menu thiết lập lại điều khiển</i> | 40 |
| <i>Menu thông tin</i> | 41 |

THÔNG TIN BỔ SUNG 42

| | |
|--|----|
| <i>Độ phân giải tương thích</i> | 42 |
| <i>Cỡ hình và khoảng cách chiếu</i> | 46 |
| <i>Kích thước máy chiếu và lắp đặt giá treo trần</i> | 48 |
| <i>Mã điều khiển hồng ngoại</i> | 50 |
| <i>Khắc phục sự cố</i> | 52 |
| <i>Chỉ báo cảnh báo</i> | 54 |
| <i>Thông số kỹ thuật</i> | 55 |
| <i>Văn phòng toàn cầu của Optoma</i> | 56 |

AN TOÀN

| | |
|---|--|
|  | Biểu tượng ánh chớp có đầu mũi tên trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về "điện thế nguy hiểm" không được cách điện trong vỏ ngoài của sản phẩm và độ lớn có thể đủ mạnh dẫn đến nguy cơ điện giật cho người. |
|  | Dấu than trong tam giác đều nhằm mục đích cảnh báo người dùng về các hướng dẫn bảo dưỡng (bảo trì) và vận hành quan trọng trong tài liệu đi kèm thiết bị. |

Vui lòng thực hiện theo mọi cảnh báo, thận trọng và bảo dưỡng được khuyến nghị trong sách hướng dẫn sử dụng này.

Hướng dẫn về an toàn quan trọng

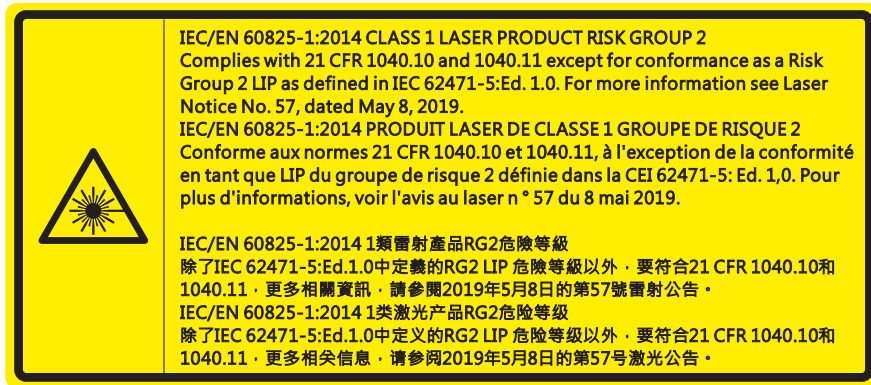
- Không chặn các lỗ thông khí. Để đảm bảo hoạt động đáng tin cậy của máy chiếu và để bảo vệ chống quá nhiệt, bạn nên đặt máy chiếu ở vị trí không chặn lỗ thông khí. Ví dụ, không đặt máy chiếu trên bàn cà phê, ghế sofa, giường, v.v. chật chội. Không đặt máy chiếu ở nơi bí như giá sách hoặc ngăn kéo hạn chế luồng khí.
- Để giảm nguy cơ cháy và/hoặc điện giật, không để máy chiếu dính nước hoặc hơi ẩm. Không đặt gần các nguồn nhiệt như bộ tản nhiệt, máy sưởi, lò sấy hoặc bất kỳ thiết bị nào khác như bộ khuếch đại có tỏa nhiệt.
- Không để đồ vật hoặc chất lỏng lọt vào máy chiếu. Chúng có thể chạm vào các điểm điện thế nguy hiểm và làm ngắn mạch các bộ phận có thể dẫn đến cháy hoặc điện giật.
- Không sử dụng trong các điều kiện sau:
 - Trong môi trường nóng, lạnh hoặc ẩm khắc nghiệt.
 - (i) Đảm bảo nhiệt độ xung quanh phòng là 5°C ~ 40°C
 - (ii) Độ ẩm tương đối là 10% ~ 85%
 - Ở khu vực dễ có nhiều bụi bặm.
 - Gần một thiết bị phát ra từ trường mạnh.
 - Dưới ánh nắng trực tiếp.
- Không sử dụng thiết bị nếu nó đã bị hỏng hoặc lạm dụng về mặt vật lý. Hư hỏng/lạm dụng vật lý có thể là (nhưng không giới hạn ở):
 - Thiết bị đã bị rơi.
 - Dây nguồn hoặc phích cắm bị hỏng.
 - Chất lỏng bị đổ vào máy chiếu.
 - Máy chiếu bị dính nước mưa hoặc hơi ẩm.
 - Một số vật rơi vào trong máy chiếu hoặc một số chi tiết bên trong bị lỏng.
- Không đặt máy chiếu trên bề mặt không ổn định. Máy chiếu có thể rơi và gây chấn thương cho mọi người hoặc máy chiếu có thể bị hỏng.
- Đừng che kín ánh sáng thoát ra từ ống kính máy chiếu khi đang hoạt động. Ánh sáng sẽ làm nóng vật dụng và có thể nóng chảy, gây bỏng hoặc phát cháy.
- Vui lòng không mở hoặc tháo rời máy chiếu vì việc này có thể dẫn đến điện giật.
- Không cố tự bảo dưỡng thiết bị. Mở hoặc tháo vỏ có thể làm bạn bị điện giật hoặc gặp rủi ro khác. Vui lòng liên hệ với Optoma trước khi bạn gửi thiết bị để sửa chữa.
- Xem vỏ ngoài của máy chiếu để biết các ký hiệu liên quan.
- Thiết bị chỉ được sửa chữa bởi nhân viên bảo dưỡng ủy quyền.
- Chỉ sử dụng phụ tùng/phụ kiện do nhà sản xuất chỉ định.
- Không nhìn thẳng vào ống kính máy chiếu trong khi sử dụng. Ánh sáng chói có thể làm mắt bạn bị tổn

thương.

- Máy chiếu này sẽ tự phát hiện tuổi thọ đèn.
- Khi tắt máy chiếu, vui lòng đảm bảo hoàn tất chu kỳ làm mát trước khi ngắt điện. Chờ 90 giây để máy chiếu nguội.
- Tắt máy và rút phích cắm khỏi ổ cắm AC trước khi lau sản phẩm.
- Dùng khăn khô mềm với chất tẩy rửa nhẹ để lau hốc hiển thị. Sử dụng các chất tẩy rửa ăn mòn, chất sáp hoặc dung môi để vệ sinh thiết bị.
- Ngắt phích cắm khỏi ổ cắm AC nếu không sử dụng sản phẩm trong thời gian dài.
- Không lắp đặt máy chiếu ở những nơi có thể bị rung động hoặc va đập.
- Không chạm vào ống kính bằng tay trần.
- Tháo (các) cục pin ra khỏi điều khiển từ xa trước khi cất giữ. Nếu (các) cục pin vẫn để lại trong điều khiển từ xa trong thời gian dài, chúng có thể rò rỉ.
- Không sử dụng hoặc cất giữ máy chiếu ở những nơi có thể xuất hiện khói từ dầu hoặc thuốc lá, vì khói có thể ảnh hưởng bất lợi đến chất lượng hoạt động của máy chiếu.
- Hãy tuân thủ cách lắp đặt hướng máy chiếu thích hợp vì lắp đặt không quy chuẩn có thể ảnh hưởng đến hiệu suất máy chiếu.
- Sử dụng bộ ổ cắm điện và/hoặc bộ chống sốc điện. Vì sự cố cúp điện và nguồn yếu có thể LÀM HỒNG các thiết bị.

Thông tin an toàn bức xạ laser

- Sản phẩm này được phân loại là SẢN PHẨM LASER CẤP ĐỘ 1 - NHÓM RỦI RO 2 của tiêu chuẩn IEC60825-1:2014 và theo 21 CFR 1040.10 và 1040.11, được xếp là Nhóm rủi ro 2, LIP (Laser Illuminated Projector - Máy chiếu được chiếu sáng bằng laser) như được định nghĩa trong IEC 62471-5:Ed.1.0. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Thông cáo Laser Số 57, ngày 8 tháng 5 năm 2019.



- Giống như các nguồn sáng khác, không được nhìn thẳng vào chùm tia sáng trực tiếp, RG2 IEC 62471-5:2015.
- Máy chiếu này là sản phẩm laser cấp độ 1 của IEC/EN 60825-1: 2014 và nhóm rủi ro 2 với các yêu cầu của IEC 62471-5:2015.
- Các hướng dẫn bổ sung để trông coi trẻ nhỏ, không được nhìn thẳng và không được sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học.

- Thông báo được đưa ra để giám sát trẻ em và không bao giờ cho phép trẻ em nhìn thẳng vào chùm tia sáng của máy chiếu từ bất kỳ khoảng cách nào.
- Thông báo được đưa ra để thận khi sử dụng điều khiển từ xa để bật máy chiếu khi đứng trước ống kính máy chiếu.
- Thông báo được đưa ra cho người dùng để tránh sử dụng thiết bị hỗ trợ quang học như ống nhòm hoặc kính viễn vọng lên chùm tia sáng
- Khi bật máy chiếu, đảm bảo không có ai trong phạm vi chiếu đang nhìn vào ống kính.
- Để bất cứ những đồ vật nào (như kính lúp v.v...) tránh khỏi đường ánh sáng của máy chiếu. Đường ánh sáng được chiếu từ ống kính rất mạnh, nên mọi vật thể lạ đều có thể phản chiếu ánh sáng từ ống kính, gây nên hậu quả khôn lường như cháy hoặc tổn thương mắt.
- Bất kỳ thao tác hay điều chỉnh nào không được chỉ dẫn cụ thể qua sổ tay sử dụng sẽ tạo ra rủi ro phơi nhiễm phóng xạ laser nguy hiểm.
- Không được mở hoặc tháo rời máy chiếu vì điều này có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser.
- Không nhìn thẳng vào chùm tia sáng khi máy chiếu đang bật. Ánh sáng này có thể gây thiệt hại mắt vĩnh viễn.

Không tuân thủ quy trình điều khiển, điều chỉnh hoặc thao tác có thể gây ra thiệt hại do phơi nhiễm bức xạ laser

Bản quyền

Ấn bản này, kể cả mọi hình ảnh, minh họa và phần mềm, được bảo vệ theo các luật bản quyền quốc tế với mọi bản quyền được bảo lưu. Cấm tái bản số tay này cũng như bất cứ phần nào chứa bên trong mà không có sự đồng ý bằng văn bản của tác giả.

© Bản quyền 2022

Khước từ trách nhiệm

Thông tin trong tài liệu này có thể chịu sự thay đổi mà không cần thông báo trước. Nhà sản xuất không đưa ra bất cứ tuyên bố hoặc chính sách bảo hành nào đối với các nội dung liên quan và đặc biệt khước từ mọi chính sách bảo hành gián tiếp về tính thương mại hay khả năng tương thích của sản phẩm cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Nhà sản xuất có quyền sửa đổi ấn bản này và thỉnh thoảng thay đổi nội dung liên quan mà không có trách nhiệm thông báo cho bất cứ cá nhân nào về những chỉnh sửa hay thay đổi đó.

Nhận biết thương hiệu

Kensington là thương hiệu đã đăng ký tại Mỹ của ACCO Brand Corporation với các số đăng ký đã được cấp và các ứng dụng đang chờ cấp bằng sáng chế ở những nước khác trên toàn thế giới.

HDMI, Biểu tượng HDMI và High-Definition Multimedia Interface (Giao diện đa phương tiện độ nét cao) là các thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của HDMI Licensing LLC ở Mỹ và các nước khác.

DLP®, DLP Link và biểu tượng DLP là các thương hiệu đã đăng ký của Texas Instruments, và BrilliantColor™ là thương hiệu của Texas Instruments.

Tất cả các tên sản phẩm khác sử dụng trong sổ hướng dẫn này là tài sản của các công ty sở hữu riêng và đã được công nhận.

FCC

Thiết bị này đã được kiểm thử và chứng tỏ tuân thủ các giới hạn đối với thiết bị kỹ thuật số loại B chiếu theo Phần 15 của quy định FCC. Các giới hạn này nhằm cung cấp sự bảo vệ hợp lý trước nhiễu sóng có hại trong lắp đặt tại gia đình. Thiết bị này tạo ra, sử dụng và có thể phát ra năng lượng có tần số radio và, nếu không được lắp đặt và sử dụng theo đúng hướng dẫn, nó có thể làm nhiễu sóng có hại đối với liên lạc bằng radio.

Tuy nhiên, không có đảm bảo rằng nhiễu sóng sẽ không xuất hiện ở một cách lắp đặt cụ thể nào. Nếu thiết bị này gây ra nhiễu sóng có hại đối với việc tiếp nhận radio hoặc truyền hình, có thể xác định điều này bằng cách bật và tắt thiết bị, người dùng nên cố khắc phục nhiễu sóng bằng một hoặc các biện pháp sau:

- Đổi hướng hoặc đổi vị trí ăng ten nhận tín hiệu.
- Tăng khoảng cách giữa thiết bị và bộ nhận tín hiệu.
- Cắm thiết bị vào ổ cắm của mạch điện khác với nơi cắm bộ nhận tín hiệu.
- Tham khảo ý kiến của đại lý hoặc kỹ thuật viên radio/truyền hình có kinh nghiệm để được trợ giúp.

Thông báo: Cáp có vỏ bọc

Mọi kết nối tới các thiết bị máy tính phải sử dụng cáp có vỏ bọc để tuân thủ các quy định FCC.

Chú ý

Các thay đổi hoặc chỉnh sửa không được thông qua trực tiếp bởi nhà sản xuất có thể khiến cho người dùng mất quyền sử dụng máy chiếu này vốn được cấp phép bởi Ủy ban Truyền thông Liên bang.

Điều kiện hoạt động

Thiết bị này tuân thủ Phần 15 của quy định FCC. Hoạt động phải tuân theo hai điều kiện sau:

1. Thiết bị này có thể không gây nhiễu sóng có hại và
2. Thiết bị này phải chấp nhận mọi nhiễu sóng được nhận, bao gồm nhiễu sóng có thể dẫn đến hoạt động không mong muốn.

Thông báo: Người dùng Canada

Thiết bị kỹ thuật số loại B này tuân thủ tiêu chuẩn ICES-003 của Canada.

Remarque à l'intention des utilisateurs canadiens

Cet appareil numérique de la classe B est conforme à la norme NMB-003 du Canada.

Tuyên bố tuân thủ quy định của các quốc gia thuộc Liên minh châu Âu

- Chỉ thị EMC 2014/30/EU (bao gồm các sửa đổi)
- Chỉ thị 2014/35/EU về điện thế thấp
- RED 2014/53/EU (nếu sản phẩm có chức năng RF)

WEEE



Hướng dẫn thải bỏ

Không vứt thiết bị điện tử này vào thùng rác khi thải bỏ. Để giảm thiểu ô nhiễm và đảm bảo sự bảo vệ tối đa cho môi trường toàn cầu, hãy tái chế thiết bị này.

Lau ống kính

- Trước khi vệ sinh ống kính, đảm bảo tắt máy chiếu và rút dây nguồn ra để nó nguội hoàn toàn.
- Sử dụng bình khí nén để loại bỏ bụi bẩn.

Sử dụng loại khăn đặc biệt để lau ống kính nhẹ nhàng. Không chạm tay vào ống kính.

- Không sử dụng chất tẩy rửa có tính kiềm/axit hoặc dung môi dễ bay hơi như cồn để lau ống kính. Nếu ống kính bị hỏng do quá trình lau chùi, nó không được bảo hành.



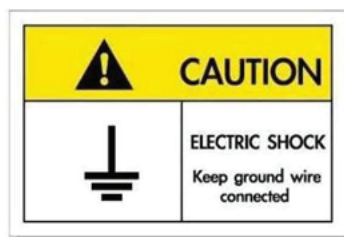
Cảnh báo: Không dùng bình xịt chứa khí dễ cháy để loại bỏ bụi bẩn khỏi ống kính. Điều này có thể gây ra hỏa hoạn do nhiệt quá cao bên trong máy chiếu.



Cảnh báo: Không vệ sinh ống kính nếu máy chiếu nóng lên vì điều này có thể khiến lớp bề mặt ống kính bị bong ra.



Cảnh báo: Không lau hoặc chạm vào ống kính bằng vật cứng.



Để tránh bị điện giật, máy và các thiết bị ngoại vi phải được nối đất đúng cách (đã nối đất).

GIỚI THIỆU

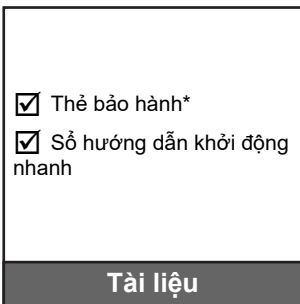
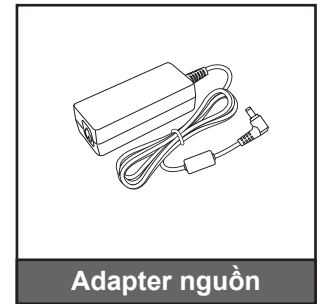
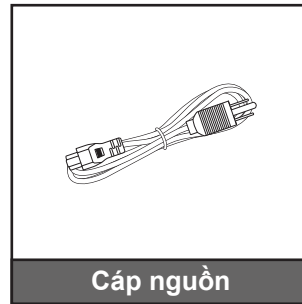
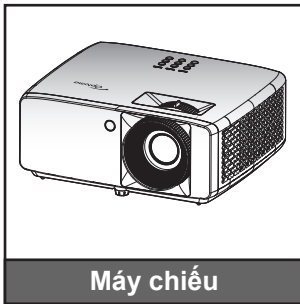
Cảm ơn bạn đã mua máy chiếu laser Optoma. Để biết danh sách tính năng đầy đủ, vui lòng ghé thăm trang sản phẩm trên trang web của chúng tôi. Tại đây bạn sẽ được nhận thêm nhiều thông tin và tài liệu hơn, ví dụ như về các câu hỏi thường gặp.

Tổng quan về gói sản phẩm

Cẩn thận mở hộp đựng và xác nhận là bạn đã nhận các mặt hàng như liệt kê dưới đây thuộc phụ kiện chuẩn. Một số mặt hàng thuộc phụ kiện chuẩn có thể không có sẵn tùy theo mẫu sản phẩm, thông số kỹ thuật và khu vực mua hàng của bạn. Hãy kiểm tra với nơi mua hàng của bạn. Một số phụ kiện có thể khác nhau tùy theo khu vực.

Thẻ bảo hành chỉ được kèm theo ở một số khu vực cụ thể. Hãy liên hệ với đại lý bán hàng để có thông tin chi tiết.

Phụ kiện chuẩn



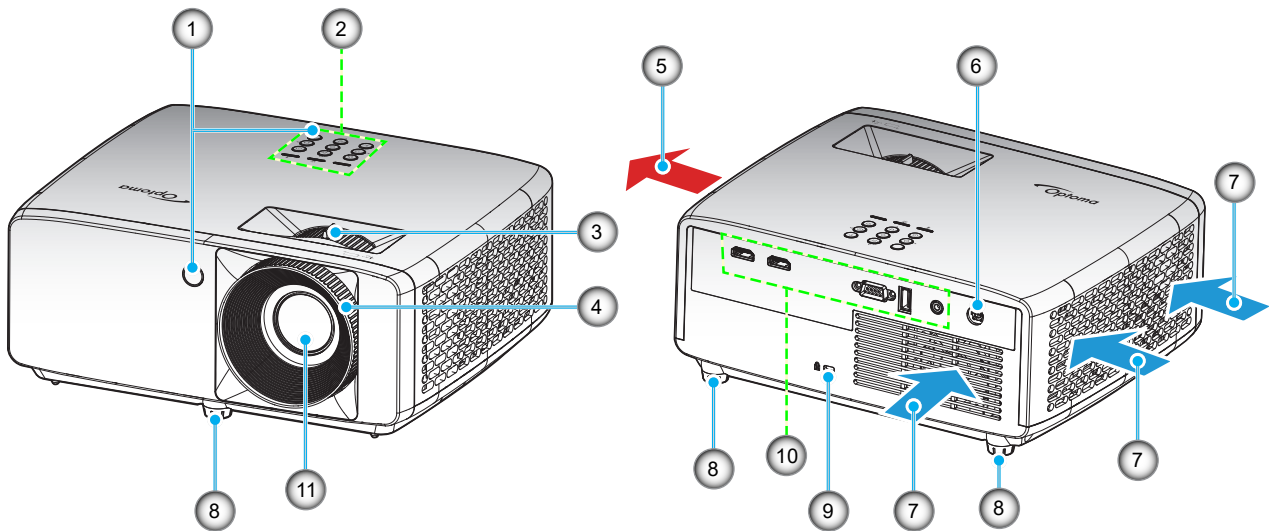
Lưu ý:

- Điều khiển từ xa được gửi kèm pin.
- *Để biết thông tin bảo hành, vui lòng tham khảo <https://www.optoma.com/support/download>.
- Để xem thông tin thiết lập, hướng dẫn sử dụng, thông tin bảo hành và cập nhật sản phẩm – vui lòng quét Mã QR hoặc truy cập URL sau: <https://www.optoma.com/support/download>



GIỚI THIỆU

Tổng quan về Sản phẩm



Lưu ý:

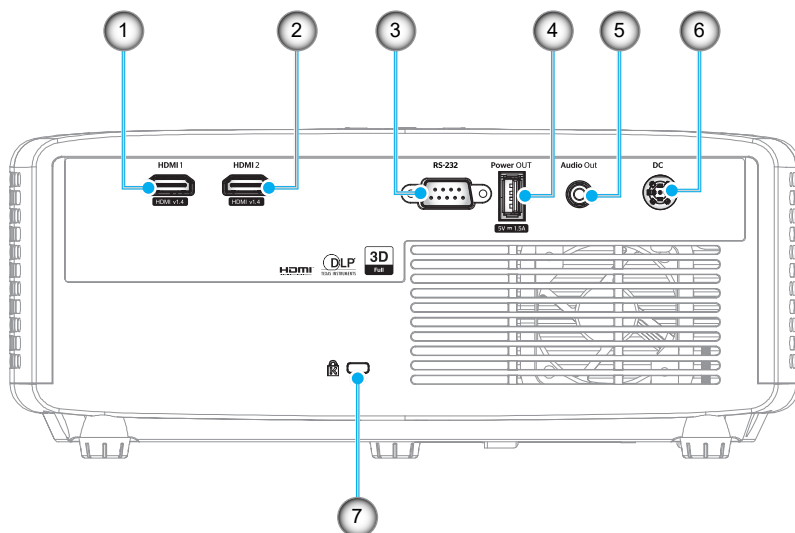
- Không chặn bít đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian kín, hãy chừa khoảng cách ít nhất 30 cm quanh đầu vào và lỗ thông khí của máy chiếu.

| STT | Mục | STT | Mục |
|-----|----------------------|-----|-----------------------|
| 1. | Bộ thu Hồng ngoại | 7. | Thông khí (cửa thoát) |
| 2. | Bàn phím | 8. | Chân chỉnh độ nghiêng |
| 3. | Vòng chỉnh thu phóng | 9. | Cổng khóa Kensington™ |
| 4. | Vòng chỉnh tiêu điểm | 10. | Đầu vào/Đầu ra |
| 5. | Thông khí (cửa nạp) | 11. | Ống kính |
| 6. | Giắc cắm điện DC | | |

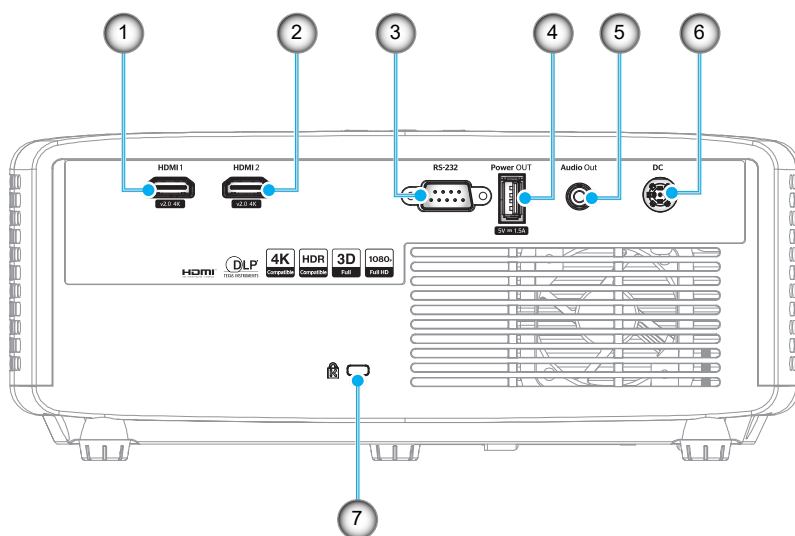
GIỚI THIỆU

Các đầu nối

Mẫu XGA / WXGA



Mẫu 1080p

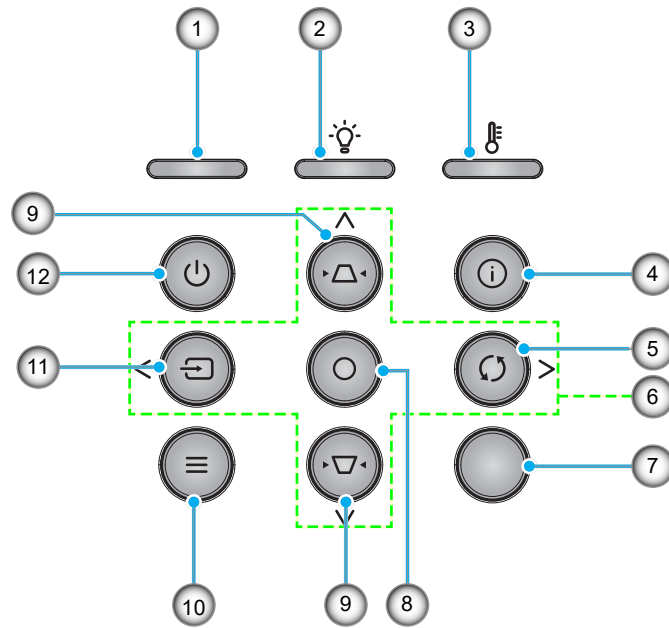


| STT | Mục | STT | Mục |
|-----|----------------------------------|-----|-----------------------|
| 1. | Đầu cắm HDMI 1 | 5. | Đầu ra âm thanh |
| 2. | Đầu cắm HDMI 2 | 6. | Giắc cắm điện DC |
| 3. | Đầu cắm RS-232 | 7. | Cổng khóa Kensington™ |
| 4. | Đầu ra nguồn cắm USB (5V---1,5A) | | |

Lưu ý: Chế độ tín hiệu hỗ trợ tùy theo các mẫu khác nhau ở từng khu vực kinh doanh.

GIỚI THIỆU

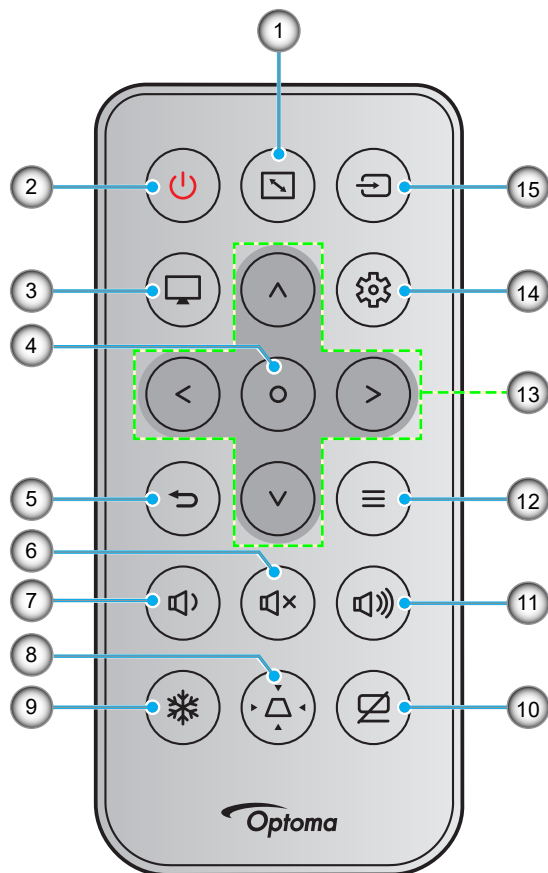
Bàn phím



| STT | Mục | STT | Mục |
|-----|--------------------------|-----|-------------------|
| 1. | Đèn LED NGUỒN | 7. | Bộ thu hồng ngoại |
| 2. | Đèn LED bóng đèn | 8. | Nhập |
| 3. | Đèn LED nhiệt độ | 9. | Hiệu chỉnh độ méo |
| 4. | Thông tin | 10. | Menu |
| 5. | Tái Đồng Bộ | 11. | Nguồn tín hiệu |
| 6. | Bốn phím chọn điều hướng | 12. | Nguồn |

GIỚI THIỆU

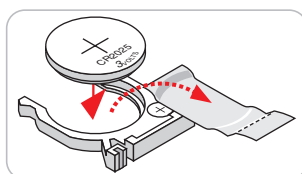
Điều khiển từ xa



| STT | Mục | STT | Mục |
|-----|-------------------|-----|--------------------------|
| 1. | Tỉ lệ khung hình | 9. | Đóng băng |
| 2. | Bật/Tắt nguồn | 10. | Chặn AV |
| 3. | Chế độ | 11. | Âm lượng + |
| 4. | Nhập | 12. | Menu |
| 5. | Quay lại | 13. | Bốn phím chọn điều hướng |
| 6. | Tắt tiếng | 14. | Cài đặt / Menu cài đặt |
| 7. | Âm lượng - | 15. | Nguồn tín hiệu |
| 8. | Hiệu chỉnh độ méo | | |

Lưu ý:

- Một số phím có thể không có chức năng cho những mẫu máy không hỗ trợ các tính năng này.
- Trước khi sử dụng điều khiển từ xa lần đầu, hãy tháo băng dán cách điện trong suốt. Xem trang 18 để biết cách lắp đặt pin.

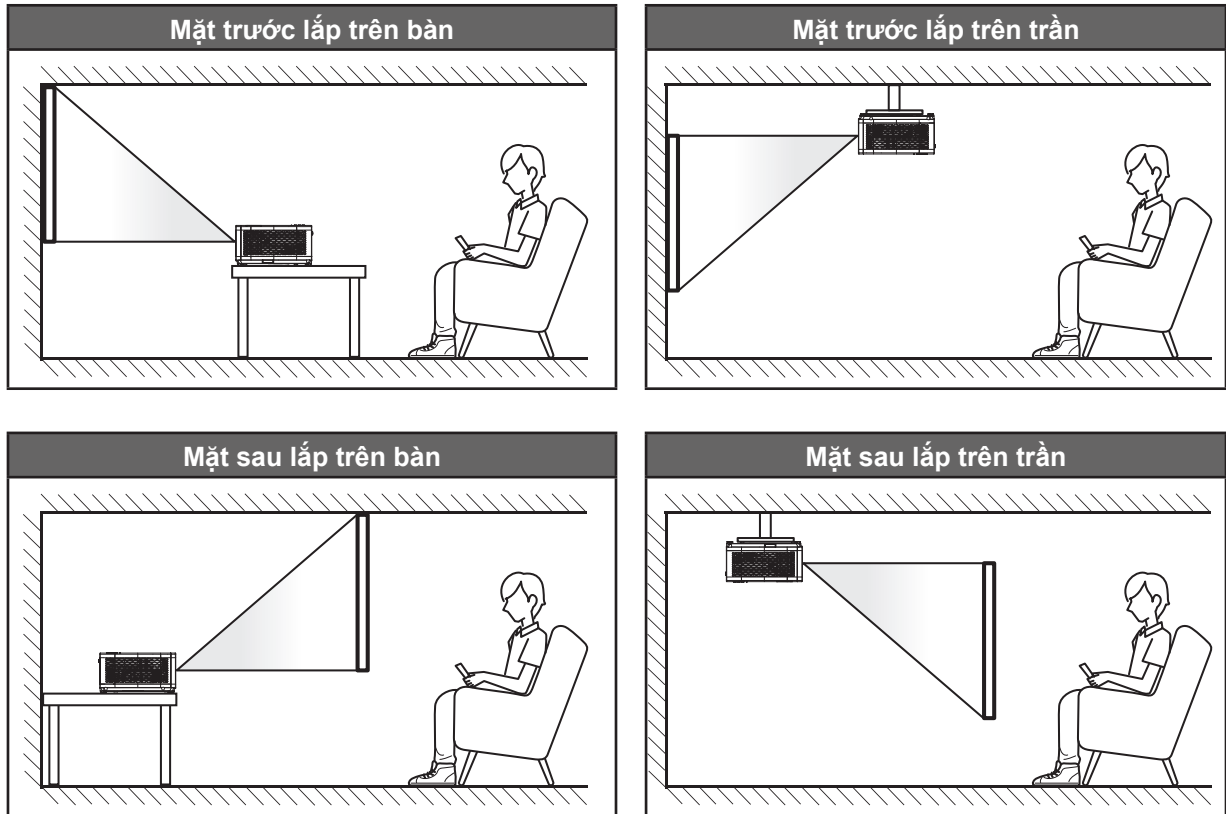


THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Lắp đặt máy chiếu

Máy chiếu của bạn được thiết kế để lắp đặt tại một trong bốn vị trí khả dụng.

Cách bố trí phòng hoặc sở thích riêng sẽ quyết định địa điểm nào bạn cần chọn. Xem xét đến kích thước và vị trí màn hình, vị trí ổ cắm điện thích hợp, cũng như địa điểm và khoảng cách giữa máy chiếu và các trang thiết bị còn lại.



Phải đặt máy chiếu bằng phẳng trên bề mặt với một góc 90 độ và vuông góc với màn hình.

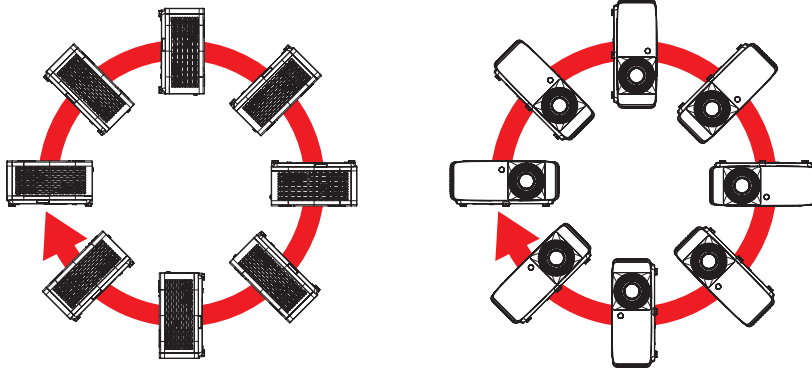
- Để biết cách xác định vị trí máy chiếu cho một kích thước màn chiếu nhất định, vui lòng tham khảo bảng khoảng cách ở trang 46~47.
- Để biết cách xác định kích thước màn chiếu theo khoảng cách có sẵn, vui lòng tham khảo bảng khoảng cách ở trang 46~47.

Lưu ý: Máy chiếu đặt càng xa màn hình thì kích thước hình chiếu càng tăng và độ bù chiều dọc cũng tăng theo tỷ lệ.

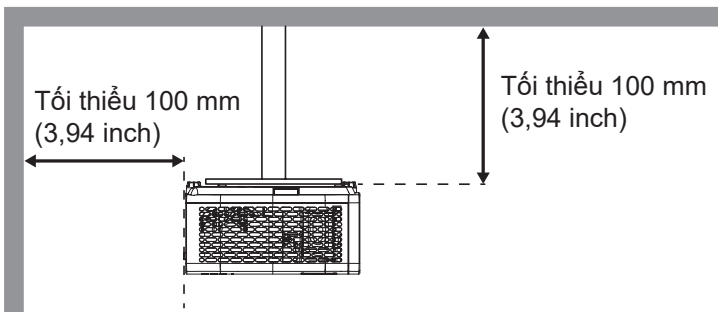
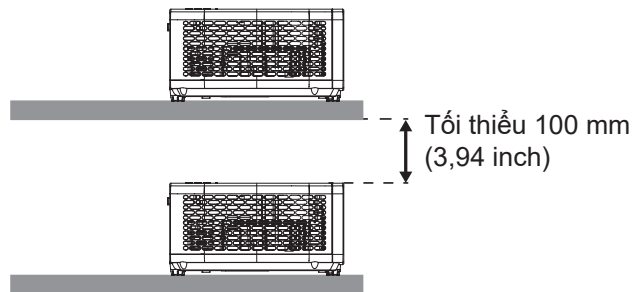
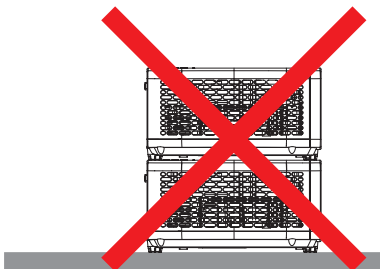
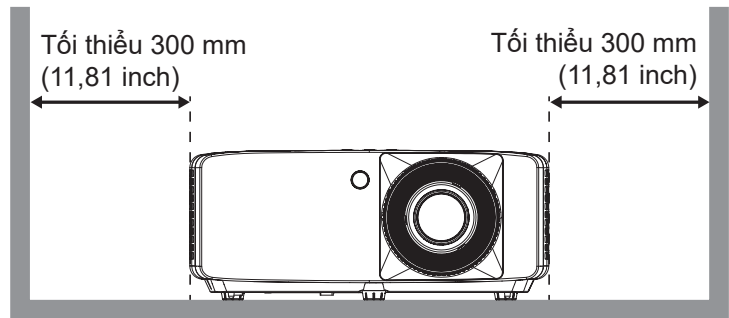
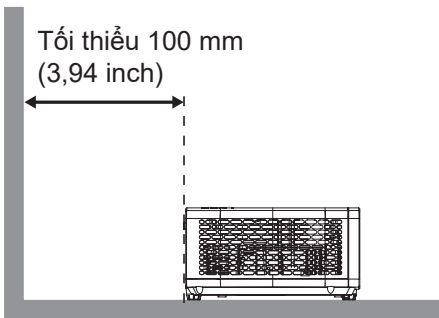
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Lưu ý lắp đặt máy chiếu

- Hướng chiếu tự do 360°



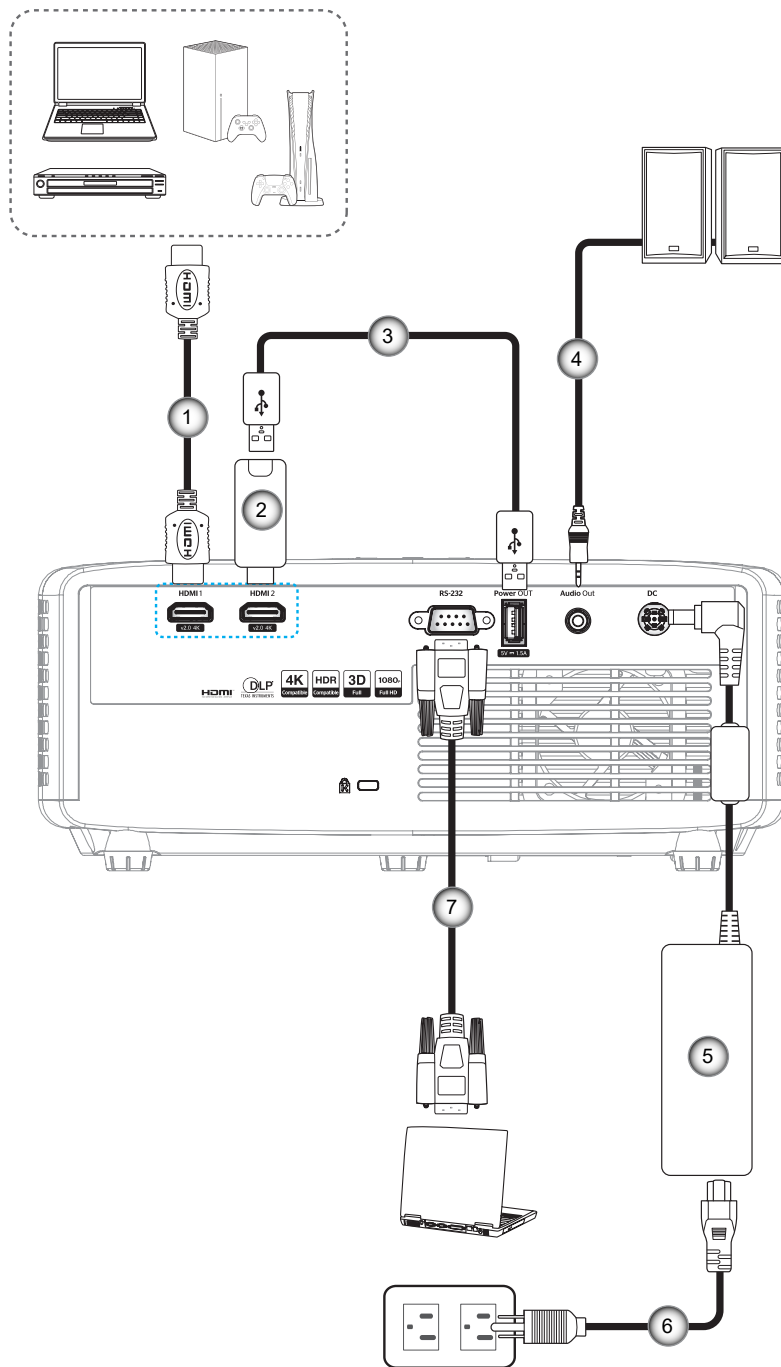
- Để khoảng trống tối thiểu 30 cm xung quanh quạt xả khí.



- Đảm bảo quạt hút khí không tái sử dụng khí nóng từ quạt xả khí.
- Khi sử dụng máy chiếu trong không gian khép kín, đảm bảo nhiệt độ không khí xung quanh trong khu vực khép kín này không vượt quá nhiệt độ hoạt động khi máy chiếu đang chạy, và các lỗ hút khí và xả khí phải luôn thông suốt.
- Mọi khu vực khép kín phải vượt qua quy trình đánh giá về nhiệt được chứng nhận để đảm bảo máy chiếu không tái sử dụng khí thải vì điều này có thể khiến cho thiết bị ngưng hoạt động dù nhiệt độ xung quanh nằm trong phạm vi nhiệt độ hoạt động chấp nhận.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Kết nối các nguồn tín hiệu với máy chiếu



| STT | Mục | STT | Mục |
|-----|-----------------------------|-----|---------------|
| 1. | Cáp HDMI | 5. | Adapter nguồn |
| 2. | Thiết bị phát tín hiệu HDMI | 6. | Cáp nguồn |
| 3. | Cáp nguồn USB | 7. | Cáp RS232 |
| 4. | Cáp đầu ra âm thanh | | |

Lưu ý: Để đảm bảo chất lượng hình ảnh tốt nhất và tránh các lỗi kết nối, bạn nên sử dụng các loại cáp HDMI Tốc Độ Cao hoặc Được Chứng Nhận Cao Cấp với chiều dài tối đa 5 mét.

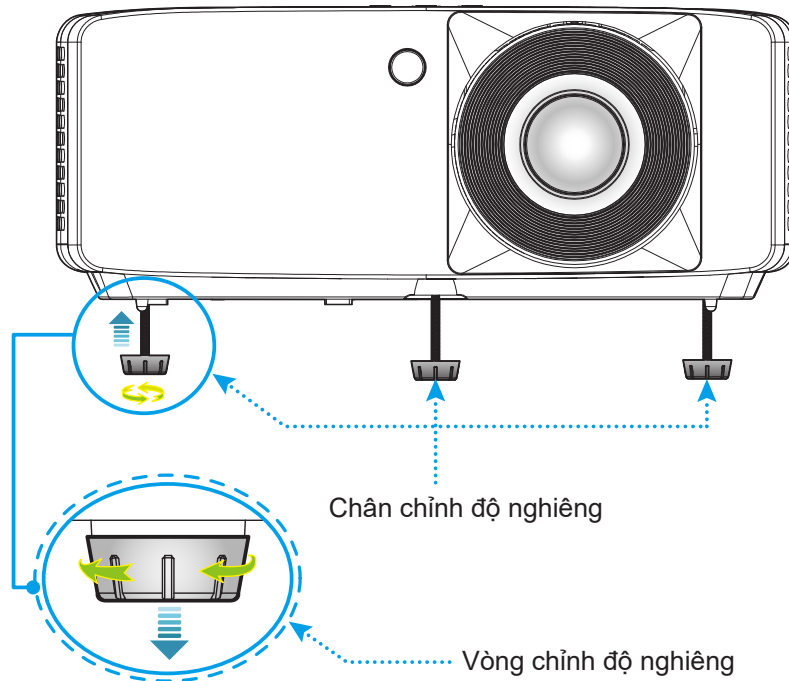
THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Điều chỉnh Hình ảnh chiếu

Chiều cao hình

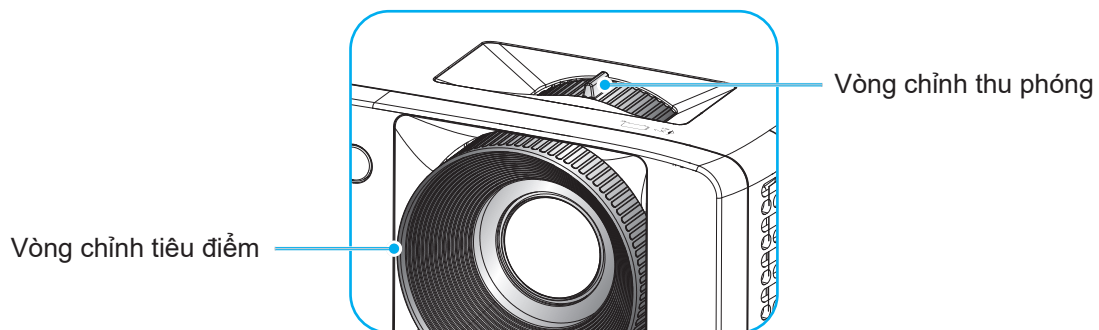
Máy chiếu được trang bị chân nâng để điều chỉnh độ cao của hình ảnh.

1. Xác định bánh điều chỉnh bạn muốn chỉnh ở mặt dưới máy chiếu.
2. Vận bánh chân để tùy chỉnh theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để nâng hoặc hạ máy chiếu.



Thu phóng và lấy nét

- Để chỉnh cỡ hình, hãy xoay vòng chỉnh thu phóng theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để tăng hoặc giảm kích thước hình chiếu.
- Để chỉnh lấy nét, xoay vòng lấy nét theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi hình chiếu sắc nét và rõ ràng.

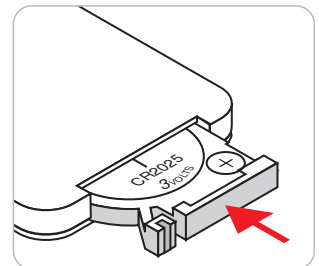
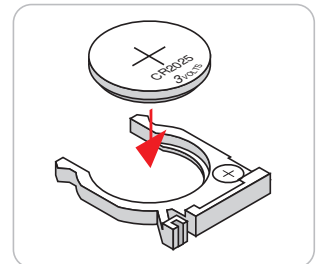
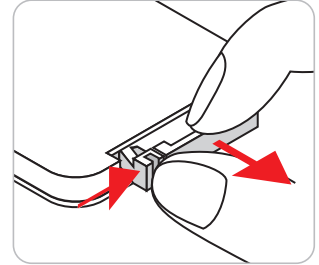


THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Thiết lập điều khiển từ xa

Lắp đặt/thay thế pin cho điều khiển từ xa

1. Ấn mạnh và trượt nắp đậy pin ra.
2. Lắp pin mới vào khoang chứa. Tháo pin cũ và lắp pin mới (CR2025). Đảm bảo cạnh có dấu "+" hướng lên trên.
3. Gắn nắp đậy lại.



CHÚ Ý: Để đảm bảo hoạt động an toàn, hãy tuân thủ các lưu ý phòng ngừa sau:

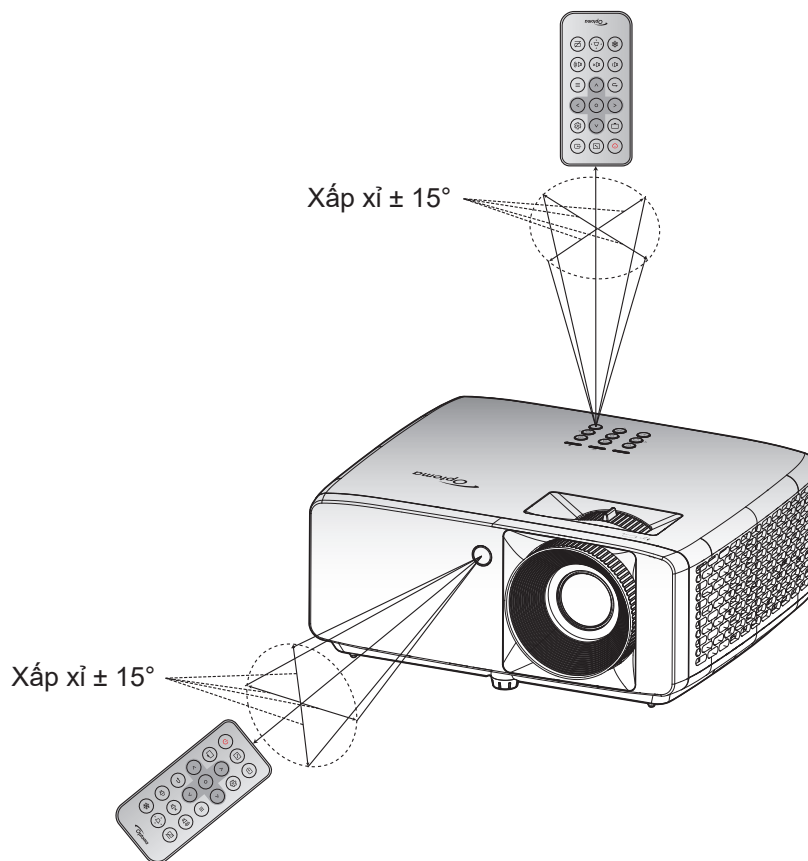
- Sử dụng pin loại CR2025.
- Tránh tiếp xúc với nước hoặc chất lỏng.
- Không đặt điều khiển từ xa gần môi trường ẩm ướt hoặc nhiệt.
- Không làm rơi điều khiển từ xa.
- Nếu pin đã rò rỉ trong điều khiển từ xa, hãy lau kỹ vỏ và lắp pin mới.
- Nguy cơ bị nổ nếu pin được thay thế bằng loại pin không thích hợp.
- Thải bỏ pin qua sử dụng theo các chỉ dẫn.

THIẾT LẬP VÀ LẮP ĐẶT

Phạm vi hoạt động

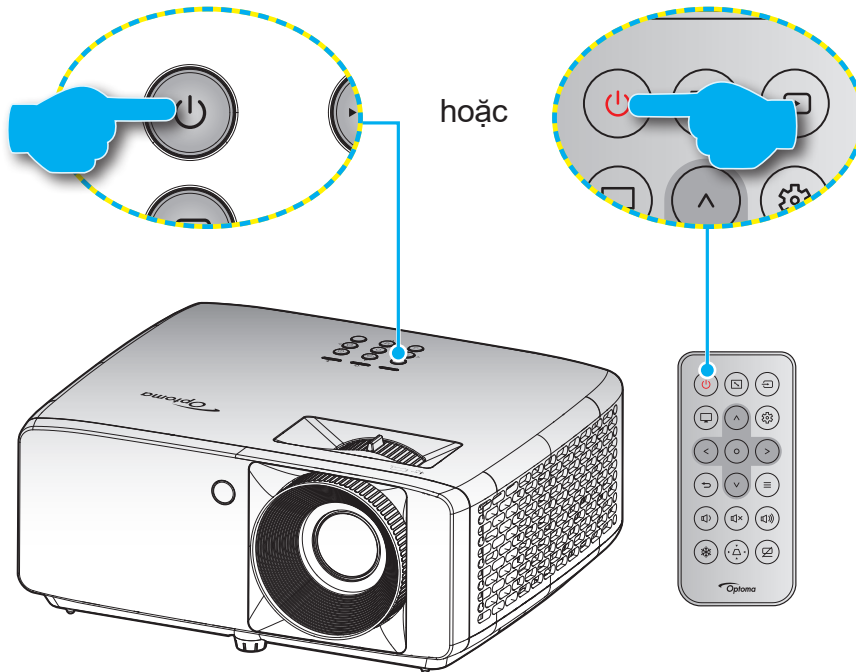
Cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại (IR) nằm ở phía trên và phía trước máy chiếu. Đảm bảo giữ điều khiển từ xa ở một góc 30 độ vuông góc với cảm biến điều khiển từ xa hồng ngoại trên máy chiếu để hoạt động thích hợp. Khoảng cách giữa điều khiển từ xa và cảm biến không được xa quá 6 mét (19,7 feet).

- Đảm bảo không có các vật cản giữa điều khiển từ xa và cảm biến IR trên máy chiếu vốn có thể cản trở chùm tia hồng ngoại.
- Đảm bảo bộ truyền phát IR trên điều khiển từ xa không bị chiếu vào trực tiếp bởi ánh sáng mặt trời hoặc đèn huỳnh quang.
- Hãy giữ xa điều khiển từ xa khỏi các đèn huỳnh quang với khoảng cách hơn 2 mét; nếu không, điều khiển từ xa có thể bị hỏng.
- Nếu đặt gần các đèn huỳnh quang Loại Bộ đảo điện, điều khiển từ xa thỉnh thoảng có thể không hoạt động.
- Nếu điều khiển từ xa và máy chiếu nằm trong khoảng cách rất gần, điều khiển từ xa có thể không hoạt động.
- Khi nhắm vào màn chiếu, khoảng cách hoạt động ngắn hơn 5 mét so từ điều khiển từ xa đến màn chiếu và phản chiếu các tia IR trở lại máy chiếu. Tuy nhiên, phạm vi hoạt động có thể thay đổi theo các màn hình.





SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Bật/tắt nguồn máy chiếu





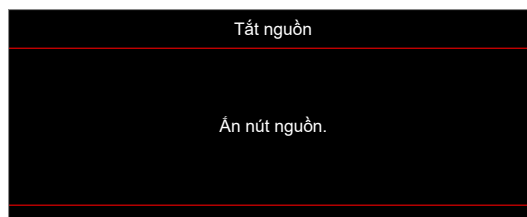
Bật nguồn







1. Cắm chặt dây nguồn và cáp tín hiệu/cáp nguồn. Khi đã kết nối, đèn LED nguồn sẽ chuyển sang màu đỏ.
2. Bật máy chiếu bằng cách nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc nút  trên điều khiển từ xa.
3. Màn hình khởi động sẽ hiển thị trong khoảng 10 giây và đèn LED nguồn sẽ nhấp nháy màu xanh lam.

Lưu ý: Lần đầu bật máy chiếu, bạn sẽ được nhắc chọn ngôn ngữ ưu tiên, Vị trí chiếu và các cài đặt khác.

Tắt nguồn

1. Tắt máy chiếu bằng cách nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc nút  trên điều khiển từ xa.
2. Thông báo sau đây sẽ hiển thị:




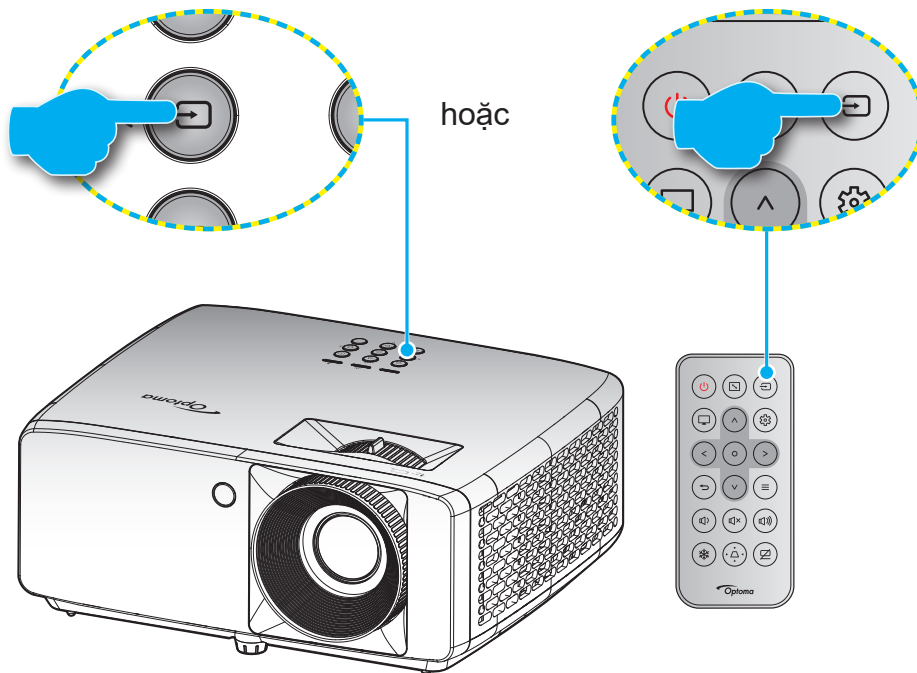
3. Nhấn lại nút / để xác nhận, nếu không thông báo đó sẽ biến mất sau 15 giây. Khi bạn nhấn nút / lần thứ hai, máy chiếu sẽ tắt.
4. Các quạt làm nguội tiếp tục hoạt động khoảng 10 giây theo chu kỳ làm nguội và đèn LED nguồn sẽ nhấp nháy màu xanh lam. Khi đèn LED nguồn chuyển sang một màu đỏ, điều này cho biết máy chiếu đã vào chế độ chờ. Nếu muốn bật máy chiếu trở lại, bạn phải chờ cho đến khi hoàn tất chu trình làm nguội và máy chiếu đã vào chế độ chờ. Khi máy chiếu ở chế độ chờ, chỉ cần nhấn lại nút / để bật máy chiếu.
5. Rút dây nguồn khỏi ổ cắm điện và máy chiếu.

Lưu ý: Bạn không được bật máy chiếu ngay sau quy trình tắt nguồn.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Chọn nguồn vào

Bật nguồn tín hiệu vừa kết nối mà bạn muốn hiển thị trên màn hình, như máy vi tính, máy tính xách tay, đầu xem video, v.v.... Máy chiếu sẽ tự dò tìm nguồn tín hiệu. Khi kết nối nhiều nguồn tín hiệu, nhấn nút  trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa để chọn đầu vào mong muốn.

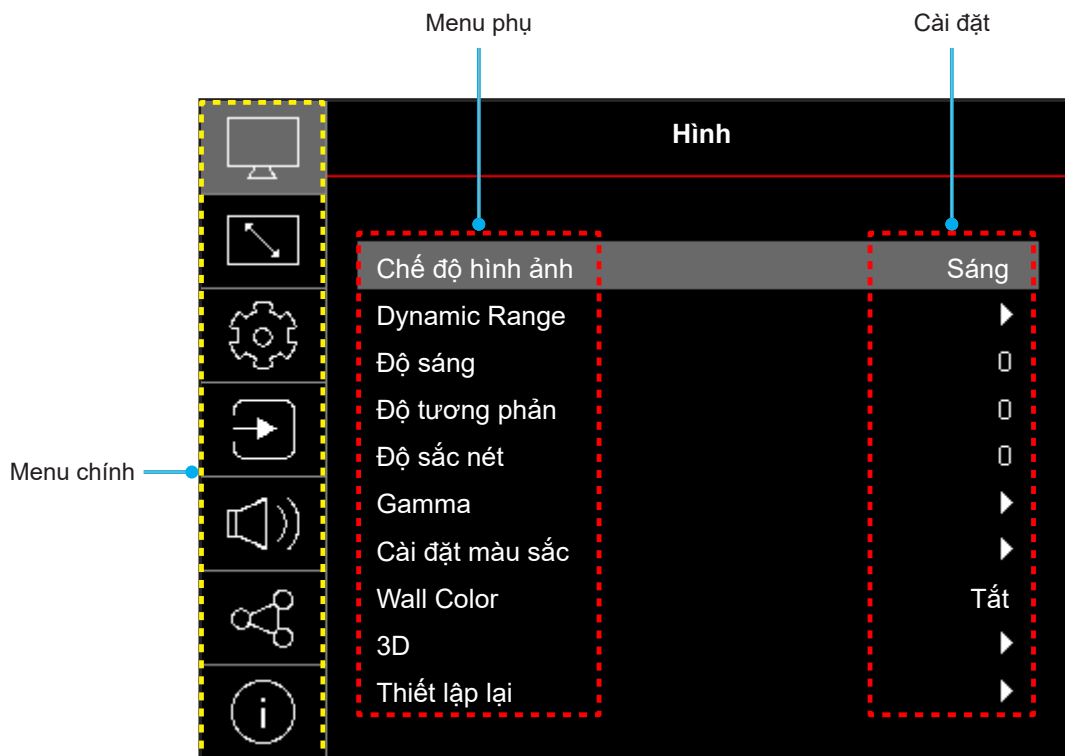


SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Điều hướng menu và các tính năng

Máy chiếu có các menu Hiển thị trên màn hình đa ngữ cho phép bạn điều chỉnh hình ảnh và thay đổi nhiều cài đặt. Máy chiếu sẽ tự động phát hiện nguồn đó.

1. Để mở menu OSD, hãy nhấn giữ nút \equiv trên bàn phím máy chiếu hoặc điều khiển từ xa.
2. Khi menu OSD hiển thị, sử dụng các phím \wedge / \vee để chọn bất kỳ mục nào trong menu chính. Trong khi lựa chọn trên một trang cụ thể, nhấn nút \circ trên bàn phím máy chiếu hoặc điều khiển từ xa để vào menu phụ.
3. Sử dụng các phím $< / >$ để chọn mục mong muốn trong menu phụ rồi nhấn nút \circ để xem thêm các cài đặt khác. Chỉnh cài đặt bằng các phím $\wedge / \vee / < / >$.
4. Chọn mục được điều chỉnh tiếp theo trong menu con và điều chỉnh như mô tả ở trên.
5. Nhấn nút \circ để xác nhận và màn hình sẽ trở về menu chính.
6. Để thoát, hãy nhấn lại nút \equiv . Menu OSD sẽ đóng và máy chiếu sẽ tự động lưu các cài đặt mới.



SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Sơ đồ menu OSD



Lưu ý: Các mục và tính năng sơ đồ menu OSD tùy thuộc vào mẫu và khu vực. Optoma bảo lưu quyền thêm hoặc bỏ mục để cải thiện hiệu năng của sản phẩm mà không cần báo trước.

| Menu chính | Menu phụ | Menu phụ 2 | Menu phụ 3 | Menu phụ 4 | Giá trị | | |
|----------------|---------------------------|--------------------------|-------------------|------------|--|----------|---|
| Hình | Chế độ hình ảnh | | | | Vivid | | |
| | | | | | HDR [Mẫu 1080p] | | |
| | | | | | HLG [Mẫu 1080p] | | |
| | | | | | Rạp chiếu | | |
| | | | | | Trò chơi | | |
| | | | | | Thể thao | | |
| | | | | | Tham khảo | | |
| | | | | | Sáng | | |
| | | | | | DICOM SIM. | | |
| | | | | 3D | | | |
| | Dynamic Range [Mẫu 1080p] | HDR / HLG | | | | Tắt | |
| | Độ sáng | | | | | Tự động | |
| | Độ tương phản | | | | | -50 ~ 50 | |
| | Độ sắc nét | | | | | -50 ~ 50 | |
| | Gamma | | | | | 1 ~ 15 | |
| | | | | | | Phim | |
| | | | | | | Đồ họa | |
| | | | | | | 1.8 | |
| | | | | | | 2.0 | |
| | | | | | | 2.2 | |
| | Cài đặt màu sắc | | | | | 2.4 | |
| | | | | | | EOTF | |
| | | | Màu sắc | | | | -50 ~ 50 |
| | | | Sắc thái | | | | -50 ~ 50 |
| | | | BrilliantColor™ | | | | 1 ~ 10 |
| | | Mức độ màu | | | | | Ấm |
| | | | | | | | Tiêu chuẩn |
| | | | | | | | Mát |
| | | | | | | | Lạnh |
| | | CMS / Điều chỉnh màu sắc | | Màu sắc | | | Trắng / Đỏ / Lục / Lam / Xanh ngọc / Đỏ thẫm / Vàng |
| | | | | Màu sắc | | | -50 ~ 50 |
| | | | | Độ bão hòa | | | -50 ~ 50 |
| | | | Giá trị (Độ sáng) | | | -50 ~ 50 | |
| | Thiết lập lại | | | | Không | | |
| Không gian màu | | | | | Có | | |
| | | | | | Đầu vào HDMI: Tự động / RGB(0~255) / RGB(16~235) / YUV | | |

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

| Menu chính | Menu phụ | Menu phụ 2 | Menu phụ 3 | Menu phụ 4 | Giá trị | |
|------------|-----------------------|---------------------------|------------|-------------------------------|--|--------------------|
| Hình | Wall Color | | | | Tắt | |
| | | | | | Bảng đen | |
| | | | | | Light Yellow | |
| | | | | | Light Green | |
| | | | | | Light Blue | |
| | | | | | Pink | |
| | | | | | Mức xám | |
| | 3D | Chế độ 3D | | | | Tắt |
| | | | | | | Bật |
| | | Đồng bộ hóa 3D | | | | DLP-Link |
| | | | | | | 3D Sync |
| | | Chuyển đổi 3D-2D | | | | 3D |
| | | | | | | L |
| | | Định dạng 3D | | | | R |
| | | | | | | Tự động |
| | | | | | | Đóng gói khung |
| | | | | | | Hình bên cạnh hình |
| | | | | | | Trên và dưới |
| | | Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D | | | | Khung tuần tự |
| | | | | | | Tắt |
| | | Thiết lập lại | | | | Bật |
| | | | | Không | | |
| | | | | Có | | |
| | Thiết lập lại | | | | | |
| HIỂN THỊ | Vị trí chiếu | | | | Mặt trước | |
| | | | | | Rear | |
| | | | | | Trần-phía trên | |
| | | | | | Phía sau-phía trên | |
| | Chế độ nguồn ánh sáng | | | | Eco. | |
| | | | | | Nguồn =100% / 95% / 90% / 85% / 80% / 75% / 70% / 65% / 60% / 55% / 50% (100%~20%)- Khóa mật khẩu | |
| | Mức đen động | | | | Tắt | |
| | | | | | Bật | |
| | Chế độ chơi game | | | | Tắt | |
| | | | | | Bật | |
| | Loại màn chiếu | | | | 4:3 | |
| | | | | | 16:9 | |
| | | | | | 16:10 | |
| | Tỉ lệ khung hình | | | | 4:3 [Loại màn chiếu: 4:3] | |
| | | | | | 16:9 [Loại màn chiếu: 16:9] | |
| | | | | 16:10 [Loại màn chiếu: 16:10] | | |
| | | | | Tự nhiên | | |
| | | | | Tự động | | |

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

| Menu chính | Menu phụ | Menu phụ 2 | Menu phụ 3 | Menu phụ 4 | Giá trị | |
|---------------|---------------------|-------------------------|---|------------------|---|------------|
| HIỂN THỊ | Hiệu chỉnh hình học | Tự động chỉnh méo | | | Tắt | |
| | | | | | Bật | |
| | | Chỉnh hình chiều dọc | | | -40 ~ 40 [-30 ~ 30, đối với mẫu 1080p] | |
| | | Chỉnh vuông ngang | | | -40 ~ 40 [-30 ~ 30, đối với mẫu 1080p] | |
| | | Điều chỉnh bốn góc | | | | |
| | Thiết lập lại | | | | | |
| | Zoom kỹ thuật số | Thu phóng | | | -5 ~ 25 | |
| | Dịch chuyển hình | Vị trí ảnh phương ngang |  | | | 0 ~ 100 |
| | | Vị trí ảnh phương dọc |  | | | 0 ~ 100 |
| | | Thiết lập lại | | | | |
| Thiết lập lại | | | | | | |
| Cài Đặt | Mẫu thử | | | | Khung lưới xanh | |
| | | | | | Khung lưới đỏ thẫm | |
| | | | | | Khung lưới trắng | |
| | | | | | Trắng | |
| | | | | | Tắt | |
| | Ngôn ngữ | | | | | English |
| | | | | | | Deutsch |
| | | | | | | Français |
| | | | | | | Italiano |
| | | | | | | Español |
| | | | | | | Português |
| | | | | | | Polski |
| | | | | | | Nederlands |
| | | | | | | Svenska |
| | | | | | | Norsk |
| | | | | | | Dansk |
| | | | | | | Suomi |
| | | | | | | ελληνικά |
| | | | | | | 繁體中文 |
| | | | | | | 簡體中文 |
| | | | | | | 日本語 |
| | | | | | | 한국어 |
| | | | | | | Русский |
| | | | | | | Magyar |
| | | | | | | Čeština |
| | | | | | | عربي |
| | | | | | | ไทย |
| | | | | | | Türkçe |
| | | | | | | فارسی |
| | | | | | | Tiếng Việt |
| | | | | Bahasa Indonesia | | |
| | | | | Română | | |

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

| Menu chính | Menu phụ | Menu phụ 2 | Menu phụ 3 | Menu phụ 4 | Giá trị | |
|------------------------|------------------------|--------------------------|------------|------------|-----------------------------|----------------------------|
| Cài Đặt | Tùy chỉnh Menu | Menu Timer | | | Tắt | |
| | | | | | 5 giây | |
| | | | | | 10 giây | |
| | | | | | 20 giây | |
| | | | | | 30 giây | |
| | | Ẩn thông tin | | | | Tắt |
| | | | | | Bật | |
| | Điều chỉnh tốc độ quạt | | | | Tắt | |
| | | | | | Bật | |
| | Điều chỉnh nguồn | Bật nguồn trực tiếp | | | | Tắt |
| | | | | | | Bật |
| | | Bật nguồn điện | | | | Tắt |
| | | | | | | Bật |
| | | | | | | 0 ~ 180 (tăng thêm 1 phút) |
| | Hẹn giờ tắt máy (phút) | | | | 0 ~ 990 (tăng thêm 30 phút) | |
| | Bảo mật | Bảo mật | | | | Tắt |
| | | | | | | Bật |
| | | Bộ đếm thời gian an toàn | Tháng | | | |
| | | | Ngày | | | |
| | | | Giờ | | | |
| | Đổi mật khẩu | | | | | |
| | Màn hình khởi động | Biểu tượng | | | | Mặc định |
| | | | | | | Tự nhiên |
| | | | | | | Người sử dụng |
| | Màu nền | | | | | Không |
| | | | | | | Lam |
| | | | | | | Đỏ |
| | | | | | | Lục |
| | | | | | | Mức xám |
| | | | | | | Biểu tượng |
| Thiết lập lại thiết bị | Cài đặt OSD | | | | Không | |
| | | | | | Có | |
| | Cài lại mọi cài đặt | | | | | Không |
| | | | | | | Có |

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

| Menu chính | Menu phụ | Menu phụ 2 | Menu phụ 3 | Menu phụ 4 | Giá trị | |
|---------------|--|------------------------|------------|------------|---------|------------------------------------|
| Nhập liệu | Tự động tìm nguồn tín hiệu | | | | Tắt | |
| | | | | | Bật | |
| | Chuyển đổi đầu vào tự động | | | | | Tắt |
| | | | | | | Bật |
| | Cài đặt HDMI/CEC | Liên kết HDMI | | | | Tắt |
| | | | | | | Bật |
| | | Bao gồm TV | | | | Không |
| | | | | | | Có |
| | | Liên kết cho bật nguồn | | | | Liên kết tương hỗ |
| | | | | | | PJ --> Thiết bị Thiết bị --> PJ |
| | Liên kết cho tắt nguồn | | | | Tắt | |
| | | | | | Bật | |
| Thiết lập lại | | | | | Không | |
| | | | | | Có | |
| Âm thanh | Âm lượng | | | | 0 ~ 100 | |
| | Tắt tiếng | | | | Tắt | |
| | Internal Speaker (Tích hợp loa) | | | | | Bật |
| | | | | | | Tắt |
| | Đầu ra âm thanh | | | | Bật | |
| Thiết lập lại | | | | | | |
| Điều khiển | ID thiết bị | | | | 0~99 | |
| | Thiết lập điều khiển | Chức năng IR | | | Tắt | |
| | | | | | Bật | |
| | Cài đặt bàn phím | Khóa bàn phím | | | | Tắt |
| | | | | | Bật | |
| Thiết lập lại | | | | | | |
| Thông tin | Điều khiển | | | | | |
| | Số Seri | | | | | |
| | Nguồn tín hiệu | | | | | |
| | Thông tin màu sắc | | | | | |
| | Light Source Hours | | | | | |
| | Chế độ hình ảnh | | | | | |
| | ID thiết bị | | | | | |
| | Thời gian sử dụng bộ lọc Lưu ý: Tùy theo khu vực có thể có tùy chọn tấm lọc bụi. Vui lòng tham khảo với nhân viên khu vực. | | | | | |
| | Chế độ nguồn ánh sáng | | | | | |
| | Phiên bản FW | DDP | | | | |
| MCU | | | | | | |

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu hình

Menu chế độ hình ảnh

Bạn có thể chọn một vài chế độ hiển thị được định sẵn để có hình ảnh phù hợp với bạn. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt cho nhiều loại nội dung đa dạng.

- **Vivid:** Ở chế độ này, độ bão hòa và độ sáng màu được cân bằng tốt. Chọn chế độ này để chơi game.
- **HDR / HLG:** Mã hóa và hiển thị nội dung Dải Động Cao (HDR)/Hybrid Log Gamma (HLG) đối với các màu đen sâu nhất, màu trắng sáng nhất và màu sắc điện ảnh sống động bằng gam màu REC.2020. Chế độ này sẽ tự động được bật nếu HDR/HLG được đặt thành Bật (và nội dung HDR/HLG được gửi đến máy chiếu - 4K UHD Blu-ray, trò chơi 1080p / 4K UHD HDR/HLG, video phát trực tuyến 4K UHD). Trong khi chế độ HDR/HLG hoạt động, bạn không thể chọn các chế độ hiển thị khác (Điện ảnh, Tham chiếu, v.v...) vì HDR/HLG cung cấp màu sắc có độ chính xác cao, vượt quá hiệu suất màu của các chế độ hiển thị khác.
Lưu ý: Menu này chỉ có sẵn cho mẫu 1080p.
- **Rạp chiếu:** Đem đến cân bằng hoàn hảo nhất giữa chi tiết và màu sắc khi xem phim.
- **Trò chơi:** Tối ưu hóa máy chiếu của bạn để có độ tương phản tối đa và màu sắc rực rỡ, để bạn có thể nhìn thấy chi tiết bóng khi chơi game.
- **Thể thao:** Tối ưu máy chiếu của bạn để xem thể thao hay chơi game thể thao.
- **Tham khảo:** Chế độ này tái tạo màu sắc theo sát ý tưởng mà đạo diễn phim mong muốn nhất. Các cài đặt màu, mức độ màu, độ sáng, độ tương phản và gamma đều được định cấu hình theo gam màu Rec.709. Chọn chế độ này để có được màu sắc chuẩn xác nhất để xem phim.
- **Sáng:** Chế độ này phù hợp cho môi trường mà cần có mức sáng rất cao, như dùng máy chiếu trong căn phòng nhiều ánh sáng.
- **DICOM SIM.:** Chế độ này đã được thiết kế để giúp xem hình ảnh thang màu xám, và nó rất hoàn hảo để xem tia X-quang và tia quét trong quá trình đào tạo y tế*.
Lưu ý: *Máy chiếu này không phù hợp để sử dụng trong việc chẩn đoán y tế.
- **3D:** Các cài đặt được tối ưu để xem nội dung 3D.
Lưu ý: Để trải nghiệm hiệu ứng 3D, bạn cần có kính tương thích DLP Link 3D. Xem phần 3D để có thêm thông tin.

Menu dải rộng hình ảnh

HDR / HLG

Định cấu hình cài đặt Dải Động Cao (HDR) / Nhặt ký lai Gamma (HLG) và hiệu ứng liên quan khi hiển thị video từ đầu đĩa Blu-ray 4K và thiết bị truyền video.

- **Tắt:** Tắt hiệu ứng xử lý HDR/HLG. Khi đã cài sang Tắt, máy chiếu sẽ KHÔNG giải mã nội dung HDR/HLG.
- **Tự động:** Tự phát hiện tín hiệu HDR/HLG.

Lưu ý: Menu này chỉ có sẵn cho mẫu 1080p.

Menu độ sáng hình ảnh

Điều chỉnh độ sáng của hình ảnh.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu độ tương phản hình ảnh

Độ tương phản điều chỉnh mức độ khác nhau giữa các phần sáng nhất và tối nhất của hình.

Menu độ sắc nét hình ảnh

Điều chỉnh độ sắc nét hình ảnh.

Menu gamma hình ảnh

Cài đặt dạng cong gamma. Sau khi hoàn thành thiết lập ban đầu và tinh chỉnh, hãy sử dụng các bước Điều chỉnh gamma để tối ưu hóa đầu ra hình ảnh của bạn.

- **Phim:** Cho nhà hát tại gia.
- **Đồ họa:** Cho nguồn PC/Ảnh.
- **1.8 / 2.0 / 2.2 / 2.4:** Cho nguồn PC/Ảnh cụ thể.
- **EOTF:** Tốt nhất cho nguồn HDR.
Lưu ý: Menu này chỉ có sẵn cho mẫu 1080p.

Menu cài đặt màu sắc hình ảnh

Màu sắc

Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.

Sắc thái

Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.

BrilliantColor™

Mục có thể điều chỉnh này sử dụng thuật toán xử lý màu và tăng cường để cho độ sáng cao hơn mà vẫn tạo ra màu sắc sống động, trung thực trong hình ảnh.

Mức độ màu

Chọn mức độ màu từ Ấm, Tiêu chuẩn, Mát hoặc Lạnh.

CMS / Điều chỉnh màu sắc

Chọn các tùy chọn sau:

- **Màu sắc:** Chỉnh mức Đỏ, Lục, Đen, Xanh ngọc, Vàng, Đỏ thẫm và Trắng cho hình ảnh.
- **Màu sắc:** Điều chỉnh độ cân bằng màu đỏ và xanh lục.
- **Độ bão hòa:** Điều chỉnh hình ảnh video từ đen trắng sang màu bão hòa hoàn toàn.
- **Giá trị (Độ sáng):** Chỉnh độ sáng cho màu được chọn.
- **Thiết lập lại:** Trở về cài đặt mặc định gốc để chỉnh màu.

Không gian màu

Chọn loại khuôn màu thích hợp từ tùy chọn sau: Tự động, RGB(0~255), RGB(16~235) và YUV.

Menu màu tường hình ảnh

Được thiết kế để điều chỉnh màu của hình ảnh được trình chiếu lên tường mà không có tấm nền. Mỗi chế độ đều được tinh chỉnh kỹ càng bởi đội ngũ chuyên gia màu sắc của chúng tôi để đảm bảo hiệu năng màu ưu việt.

Bạn có thể chọn một vài chế độ được định sẵn để có hình ảnh phù hợp màu tường của bạn. Chọn giữa tắt, bảng đen, vàng nhạt, lục nhạt, lam nhạt, hồng và xám.

Lưu ý: Để có màu sắc chính xác, chúng tôi khuyến nghị nên sử dụng màn chiếu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu 3D hình ảnh

Lưu ý:

- Máy chiếu này là sẵn sàng sử dụng với 3D bằng giải pháp 3D DLP-Link.
- Đảm bảo kính 3D của bạn được sử dụng cho 3D DLP-Link trước khi xem video.
- Máy chiếu này hỗ trợ (lật trang) khung tuần tự 3D qua các cổng HDMI1/HDMI2.
- Để bật chế độ 3D, tỷ lệ khung hình nhập phải được cài sang chỉ 60Hz; tỷ lệ khung hình thấp hơn hoặc cao hơn sẽ không được hỗ trợ.
- Để đạt hiệu suất tối ưu, bạn nên sử dụng độ phân giải 1920x1080; xin lưu ý rằng độ phân giải 4K (3840x2160) không được hỗ trợ ở chế độ 3D.

Chế độ 3D

Dùng chức năng này để bật hoặc tắt chức năng 3D.

- **Tắt:** Chọn “Tắt” để tắt chế độ 3D.
- **Bật:** Chọn “Bật” để bật chế độ 3D.

Đồng bộ hóa 3D

Sử dụng lựa chọn này để chọn công nghệ 3D.

- **DLP-Link:** Chọn để sử dụng cài đặt tối ưu cho Kính 3D DLP.
- **3D Sync:** Chọn để sử dụng cài đặt tối ưu cho Kính 3D phân cực, IR hoặc RF.

Chuyển đổi 3D-2D

Dùng tùy chọn này để xác định cách hiển thị nội dung 3D trên màn hình.

- **3D:** Hiển thị tín hiệu 3D.
- **L:** Hiển thị khung trái của nội dung 3D.
- **R:** Hiển thị khung phải của nội dung 3D.

Định dạng 3D

Dùng tùy chọn này để chọn nội dung định dạng 3D thích hợp.

- **Tự động:** Khi tín hiệu nhận dạng 3D được phát hiện, định dạng 3D sẽ được chọn tự động.
- **Đóng gói khung:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng “Đóng gói khung”.
- **Hình bên cạnh hình:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng “Hình bên cạnh hình”.
- **Trên và dưới:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng “Trên và dưới”.
- **Khung tuần tự:** Hiển thị tín hiệu 3D ở định dạng “Khung tuần tự”.

Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D

Dùng tùy chọn này để bật/tắt chức năng Chuyển đổi đồng bộ hóa 3D.

Thiết lập lại

Phục hồi về cài đặt mặc định gốc cho mọi cài đặt 3D.

- **Không:** Chọn để hủy Cài lại.
- **Có:** Chọn để trở về cài đặt mặc định gốc cho 3D.

Menu thiết lập lại hình ảnh

Trở về các cài đặt mặc định gốc cho cài đặt hình ảnh.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu hiển thị

Menu Vị trí chiếu hiển thị

Chọn trình chiếu ưa thích giữa phía trước, phía sau, trần-phía trên và phía sau-phía trên.

Menu chế độ nguồn sáng hiển thị

Chọn một chế độ nguồn sáng tùy theo yêu cầu cài đặt.

Menu mức đen rộng hiển thị

Dùng để tự động chỉnh độ sáng hình ảnh nhằm đạt hiệu suất độ tương phản tối ưu.

Menu chế độ chơi game hiển thị

Bật tính năng này để giảm thời gian phản hồi (độ trễ đầu vào) xuống 8,6ms (1080p tại 120Hz) trong khi chơi game. Tất cả cài đặt hình học (ví dụ: Chỉnh vuông hình, Bốn góc) sẽ tắt khi bật Chế độ chơi game nâng cao. Thông tin chi tiết như ở dưới.

Lưu ý:

- Độ trễ đầu vào của các tín hiệu được mô tả trong bảng sau:
- Các giá trị trong bảng có thể khác nhau một chút.

| Định giờ nguồn phát | Chế độ chơi game | Định giờ nguồn ra | Độ phân giải đầu ra | Độ trễ đầu vào |
|---------------------|------------------|-------------------|---------------------|----------------|
| 1080p60 | Bật | 1080p60Hz | 1080p | 17 mili giây |
| 1080p120 | Bật | 1080p120Hz | 1080p | 8,6 mili giây |
| 4K60 | Bật | 1080p60Hz | 1080p | 17 mili giây |
| 1080p60 | Tắt | 1080p60Hz | 1080p | 33,8 mili giây |
| 1080p120 | Tắt | 1080p120Hz | 1080p | 17 mili giây |
| 4K60 | Tắt | 1080p60Hz | 1080p | 33,7 mili giây |

- Chỉ hỗ trợ 1080P120 và 4K60 với mẫu 1080p.

Menu loại màn chiếu hiển thị

Chọn loại màn chiếu từ 4:3, 16:9 và 16:10.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Hiển thị menu Tỷ lệ khung hình

Chọn tỷ lệ khung hình của hình chiếu trong số các tùy chọn sau:

- **4:3:** Định dạng này áp dụng cho nguồn đầu vào 4:3.
- **16:9:** Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 16:9, như HDTV và DVD nâng cao cho TV màn hình rộng.
- **16:10:** Định dạng này dành cho nguồn đầu vào 16:10.
- **Tự nhiên:** Định dạng này hiển thị hình ảnh gốc mà không chia bất kỳ tỷ lệ.
- **Tự động:** Tự động chọn định dạng hiển thị phù hợp.

Bảng tỷ lệ XGA:

| Màn hình 16:9 | 480i/p | 576i/p | 1080i/p | 720p | Máy tính |
|---------------|--|--------|---------|------|----------|
| 4x3 | Chia tỷ lệ sang 1024x768. | | | | |
| 16x9 | Chia tỷ lệ sang 1024x576. | | | | |
| Tự nhiên | Sẽ không thực hiện chia tỷ lệ; hình sẽ hiển thị với độ phân giải dựa trên nguồn đầu vào. | | | | |
| Tự động | - Nếu nguồn vào là 4:3 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 1024 x 768. - Nếu nguồn vào là 16:9 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 1024 x 576. - Nếu nguồn vào là 15:9 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 1024 x 614. - Nếu nguồn vào là 16:10 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 1024 x 640. | | | | |

Quy tắc tự bộ trí XGA:

| Tự động | Độ phân giải đầu vào | | Tự động/Chia tỉ lệ | |
|----------------------|----------------------|------------------|--------------------|-----|
| | Độ phân giải ngang | Độ phân giải dọc | 1024 | 768 |
| 4:3 | 640 | 480 | 1024 | 768 |
| | 800 | 600 | 1024 | 768 |
| | 1024 | 768 | 1024 | 768 |
| | 1600 | 1200 | 1024 | 768 |
| Laptop màn hình rộng | 1280 | 720 | 1024 | 576 |
| | 1280 | 768 | 1024 | 614 |
| | 1280 | 800 | 1024 | 640 |
| SDTV | 720 | 576 | 1024 | 576 |
| | 720 | 480 | 1024 | 576 |
| HDTV | 1280 | 720 | 1024 | 576 |
| | 1920 | 1080 | 1024 | 576 |

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Bảng tỉ lệ WXGA (loại màn chiếu 16x10):

| Màn hình 16:10 | 480i/p | 576i/p | 1080i/p | 720p | Máy tính |
|----------------|---|--------|-------------------------------|----------------------|---------------------------|
| 4x3 | Chia tỷ lệ sang 1066x800. | | | | |
| 16x10 | Chia tỷ lệ sang 1280x800. | | | | |
| LBX | Chia tỉ lệ sang 1280x960 rồi cài đặt để hiển thị hình 1280x800 ở giữa | | | | |
| Tự nhiên | Canh giữa hình chiếu 1:1. | | Hiển thị ảnh xa 1:1 1280x800. | Canh giữa 1280 x 720 | Canh giữa hình chiếu 1:1. |
| Tự động | <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn vào sẽ thích hợp trong vùng hiển thị 1280 x 800 và sẽ duy trì tỷ lệ khung hình gốc. - Nếu nguồn vào là 4:3, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1066x800. - Nếu nguồn vào là 16:9, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1280x720. - Nếu nguồn vào là 15:9, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1280x768. - Nếu nguồn vào là 16:10, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1280x800. | | | | |

Quy tắc tự ánh xạ WXGA (loại màn chiếu 16x10):

| Tự động | Độ phân giải đầu vào | | Tự động/Chia tỉ lệ | |
|----------------------|----------------------|------------------|--------------------|-----|
| | Độ phân giải ngang | Độ phân giải dọc | 1280 | 800 |
| 4:3 | 640 | 480 | 1066 | 800 |
| | 800 | 600 | 1066 | 800 |
| | 1024 | 768 | 1066 | 800 |
| | 1280 | 1024 | 1066 | 800 |
| | 1400 | 1050 | 1066 | 800 |
| | 1600 | 1200 | 1066 | 800 |
| Laptop màn hình rộng | 1280 | 720 | 1280 | 720 |
| | 1280 | 768 | 1280 | 768 |
| | 1280 | 800 | 1280 | 800 |
| SDTV | 720 | 576 | 1280 | 720 |
| | 720 | 480 | 1280 | 720 |
| HDTV | 1280 | 720 | 1280 | 720 |
| | 1920 | 1080 | 1280 | 720 |

Bảng tỉ lệ WXGA (loại màn chiếu 16x9):

| Màn hình 16:9 | 480i/p | 576i/p | 1080i/p | 720p | Máy tính |
|---------------|--|--------|-------------------------------|----------------------|-----------------------|
| 4x3 | Chia tỷ lệ sang 960x720. | | | | |
| 16x9 | Chia tỷ lệ sang 1280x720. | | | | |
| LBX | Chia tỉ lệ sang 1280x960 rồi cài đặt để hiển thị hình 1280x720 ở giữa | | | | |
| Tự nhiên | Canh giữa hình chiếu 1:1. | | Hiển thị ảnh xa 1:1 1280x720. | Canh giữa 1280 x 720 | Canh giữa ảnh xạ 1:1. |
| Tự động | <ul style="list-style-type: none"> - Nếu chọn chọn tự động định dạng, loại màn chiếu sẽ tự động trở thành 16:9 (1280x720). - Nếu nguồn vào là 4:3, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 960x720. - Nếu nguồn vào là 16:9, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1280x720. - Nếu nguồn vào là 15:9, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1200x720. - Nếu nguồn vào là 16:10, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1152x720. | | | | |

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Quy tắc tự ánh xạ WXGA (loại màn chiếu 16x9):

| Tự động | Độ phân giải đầu vào | | Tự động/Chia tỉ lệ | |
|----------------------|----------------------|------------------|--------------------|-----|
| | Độ phân giải ngang | Độ phân giải dọc | 1280 | 720 |
| 4:3 | 640 | 480 | 960 | 720 |
| | 800 | 600 | 960 | 720 |
| | 1024 | 768 | 960 | 720 |
| | 1280 | 1024 | 960 | 720 |
| | 1400 | 1050 | 960 | 720 |
| | 1600 | 1200 | 960 | 720 |
| Laptop màn hình rộng | 1280 | 720 | 1280 | 720 |
| | 1280 | 768 | 1200 | 720 |
| | 1280 | 800 | 1152 | 720 |
| SDTV | 720 | 576 | 1280 | 720 |
| | 720 | 480 | 1280 | 720 |
| HDTV | 1280 | 720 | 1280 | 720 |
| | 1920 | 1080 | 1280 | 720 |

Bảng chia tỉ lệ 1080p:

| Màn hình 16:9 | 480i/p | 576i/p | 1080i/p | 720p | Máy tính |
|---------------|---|--------|---------|------|----------|
| 4x3 | Chia tỷ lệ sang 1440x1080. | | | | |
| 16x9 | Chia tỷ lệ sang 1920x1080. | | | | |
| LBX | Chia tỉ lệ sang 1920x1440 rồi cài đặt để hiển thị hình 1920x1080 ở giữa | | | | |
| Tự nhiên | <ul style="list-style-type: none"> - Đặt trọng tâm hình chiếu 1:1. - Sẽ không thực hiện chia tỷ lệ; hình sẽ hiển thị với độ phân giải dựa trên nguồn đầu vào. | | | | |
| Tự động | <ul style="list-style-type: none"> - Nếu chọn chọn tự động định dạng, loại màn chiếu sẽ tự động trở thành 16:9 (1920x1080). - Nếu nguồn vào là 4:3 thì loại màn hình sẽ có tỷ lệ là 1440 x1080. - Nếu nguồn vào là 16:9, loại màn hình sẽ có tỉ lệ là 1920x1080. - Nếu nguồn vào là 16:10, loại màn hình sẽ tự động đổi sang 1920x1200 và cắt vùng 1920x1080 để hiển thị. | | | | |

Quy tắc tự bộ trí 1080p:

| Tự động | Độ phân giải đầu vào | | Tự động/Chia tỉ lệ | |
|----------------------|----------------------|------------------|--------------------|------|
| | Độ phân giải ngang | Độ phân giải dọc | 1920 | 1080 |
| 4:3 | 640 | 480 | 1440 | 1080 |
| | 800 | 600 | 1440 | 1080 |
| | 1024 | 768 | 1440 | 1080 |
| | 1280 | 1024 | 1440 | 1080 |
| | 1400 | 1050 | 1440 | 1080 |
| | 1600 | 1200 | 1440 | 1080 |
| Laptop màn hình rộng | 1280 | 720 | 1920 | 1080 |
| | 1280 | 768 | 1800 | 1080 |
| | 1280 | 800 | 1728 | 1080 |
| SDTV | 720 | 576 | 1350 | 1080 |
| | 720 | 480 | 1620 | 1080 |
| HDTV | 1280 | 720 | 1920 | 1080 |
| | 1920 | 1080 | 1920 | 1080 |

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Hiển thị menu hiệu chỉnh hình học

Tự động chỉnh méo

Hiệu chỉnh méo hình bằng kỹ thuật số để khớp với hình chiếu trên vùng mà bạn đang chiếu.

Lưu ý:

- Kích thước hình sẽ giảm một ít khi chỉnh vuông hình ngang và dọc.
- Khi sử dụng Tự động chỉnh méo, chức năng Điều chỉnh 4 góc sẽ bị tắt.

Chỉnh hình chiều dọc

Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều dọc và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình dọc được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên phía trên và dưới bị nghiêng về một bên. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực dọc.

Chỉnh vuông ngang

Điều chỉnh độ méo hình ảnh theo chiều ngang và tạo hình ảnh vuông. Chỉnh vuông hình ngang được dùng để chỉnh sửa hình chiếu méo có biên bên trái và bên phải không đều nhau. Chức năng này nhằm mục đích sử dụng với các ứng dụng trực ngang.

Điều chỉnh bốn góc

Cài đặt này cho phép hình ảnh được chiếu được điều chỉnh từ mỗi góc để tạo hình ảnh vuông góc khi mặt phẳng chiếu không phẳng.

Thiết lập lại

Khôi phục cài đặt gốc cho cài đặt hiệu chỉnh hình học.

Hiển thị menu zoom số

Sử dụng để thu nhỏ hoặc phóng to hình trên màn hình chiếu. Zoom kỹ thuật số không giống như zoom quang học vì nó làm giảm chất lượng hình ảnh.

Lưu ý: Các cài đặt thu phóng vẫn được giữ lại khi tắt đi và bật lại máy chiếu.

Hiển thị menu Dịch chuyển hình ảnh

Điều chỉnh vị trí hình chiếu theo chiều ngang (H) hoặc dọc (V).

Menu thiết lập lại hiển thị

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt hiển thị.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu thiết lập

Menu thiết lập mẫu thử

Chọn mẫu thử nghiệm từ lưới xanh lục, lưới đỏ tươi, lưới trắng, trắng hoặc tắt chức năng này (tắt).

Menu thiết lập ngôn ngữ

Chọn từ menu OSD đa ngôn ngữ giữa các tiếng sau: Anh, Đức, Pháp, Ý, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Ba Lan, Hà Lan, Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch, Phần Lan, Hy Lạp, Hoa Phồn thể, Hoa Giản thể, Nhật, Hàn, Nga, Hungari, CH Séc, Ả Rập, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Farsi, Việt, Indonesia và Slovakia.

Menu thiết lập cài đặt

Menu Timer

Cài thời lượng nơi mà menu OSD vẫn hiển thị trên màn hình.

Ẩn thông tin

Bật chức năng này để ẩn thông báo thông tin.

Menu thiết lập tăng tốc quạt

Khi chọn "Bật", các quạt sẽ quay nhanh hơn. Tính năng này hữu ích tại các khu vực có nhiều độ cao nơi mà ít không khí.

Menu thiết lập tùy chỉnh nguồn

Bật nguồn trực tiếp

Chọn "Bật" để kích hoạt chế độ Nguồn trực tiếp. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi được có nguồn điện AC mà không cần ấn nút "Nguồn" trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

Bật nguồn điện

Chọn "Bật" để kích hoạt chế độ Nguồn tín hiệu. Máy chiếu sẽ tự động bật nguồn khi tín hiệu đã được phát hiện, mà không cần nhấn phím "Nguồn" trên bàn phím máy chiếu hoặc trên điều khiển từ xa.

Lưu ý:

- Nếu "Bật" tùy chọn "Bật nguồn điện", mức tiêu thụ điện của máy chiếu ở chế độ chờ sẽ lớn hơn 3W.
- Chức năng này có thể được áp dụng với nguồn tín hiệu HDMI.

Tắt nguồn tự động (phút)

Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Hẹn giờ tắt máy (phút)

Đặt thời gian cho bộ đếm giờ ngược. Bộ đếm giờ ngược sẽ bắt đầu chạy khi có hoặc không có tín hiệu nào được gửi đến máy chiếu. Máy chiếu sẽ tự động tắt nguồn khi hết thời gian đếm ngược (tính theo phút).

Lưu ý: Hẹn giờ tắt máy sẽ được cài lại mỗi khi tắt nguồn máy chiếu.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Thiết lập menu bảo mật

Bảo mật

Bật chức năng này để nhắc nhập mật khẩu trước khi sử dụng máy chiếu.

- **Bật:** Chọn “Bật” để sử dụng xác nhận bảo mật khi bật máy chiếu.
- **Tắt:** Chọn “Tắt” để có thể bật máy chiếu mà không cần xác nhận mật khẩu.

Lưu ý: Mật khẩu mặc định là 1234

Bộ đếm thời gian an toàn

Có thể chọn chức năng (Tháng/Ngày/Giờ) để cài đặt số giờ mà máy chiếu có thể được sử dụng. Một khi thời gian này đã qua, bạn sẽ được yêu cầu nhập lại mật khẩu.

Đổi mật khẩu

Dùng để cài hoặc sửa mật khẩu được báo nhắc khi bật máy chiếu.

Menu thiết lập logo khởi động

Sử dụng chức năng này để cài đặt màn hình khởi động mong muốn. Nếu thực hiện các thay đổi, chúng sẽ có hiệu lực ở lần bật máy chiếu tiếp theo.

- **Mặc định:** Màn hình khởi động mặc định.
- **Tự nhiên:** Logo sẽ không hiển thị trên màn hình khởi động.
- **Người sử dụng:** Công cụ chụp hình nền được yêu cầu.
Lưu ý: Hãy truy cập trang web để tải xuống công cụ chụp logo.
Định dạng file hỗ trợ: png/bmp/jpg.

Menu thiết lập màu nền

Sử dụng chức năng này để hiển thị màu Lam, Đỏ, Lục, Màu xám, Không hoặc màn hình biểu tượng khi không có tín hiệu.

Lưu ý: Nếu màu nền được thiết lập thành “Không”, khi đó màu nền là màu đen.

Menu thiết lập cài lại thiết bị

Cài đặt OSD

Phục hồi cài đặt mặc định gốc cho thiết lập menu OSD.

Cài lại mọi cài đặt

Phục hồi về cài đặt mặc định gốc cho mọi cài đặt.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu nguồn vào

Menu nguồn vào tự động

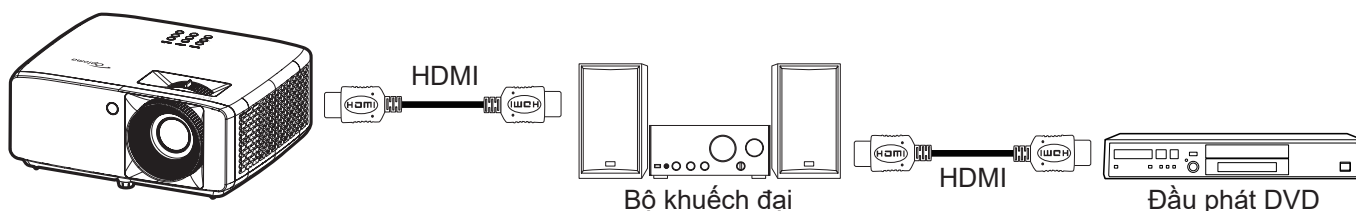
Chọn tùy chọn này để cho phép máy chiếu tự động tìm nguồn đầu vào khả dụng.

Menu tự động chuyển đổi nguồn vào

Máy chiếu sẽ tự động đổi nguồn tín hiệu vào khi phát hiện tín hiệu HDMI.

Menu cài đặt nguồn vào HDMI CEC

Lưu ý: Khi kết nối các thiết bị tương thích chuẩn HDMI CEC với máy chiếu bằng các cáp HDMI, bạn có thể kiểm soát chúng trên cùng tình trạng **Bật nguồn** hoặc **Tắt nguồn** qua tính năng kiểm soát Liên kết HDMI trên menu OSD của máy chiếu. Tùy chọn này cho phép bật nguồn hoặc tắt nguồn một thiết bị hoặc nhiều thiết bị trong một nhóm qua Tính năng Liên kết HDMI trong cấu hình chuẩn và đầu phát DVD của bạn có thể được kết nối với máy chiếu thông qua bộ âm li hoặc hệ thống nhà hát tại gia.



Liên kết HDMI

Bật/tắt chức năng Liên kết HDMI.

Bao gồm TV

Nếu được đặt thành “Có” thì sẽ có tùy chọn liên kết bật nguồn và tắt nguồn..

Liên kết cho bật nguồn

Lệnh bật nguồn CEC.

- **Liên kết tương hỗ:** Cả máy chiếu và thiết bị CEC sẽ được bật cùng một lúc.
- **PJ --> Thiết bị:** Thiết bị CEC sẽ được bật chỉ sau khi đã bật máy chiếu.
- **Thiết bị --> PJ:** Máy chiếu sẽ được bật chỉ sau khi đã bật thiết bị CEC.

Liên kết cho tắt nguồn

Bật chức năng này để cho phép cả Liên kết HDMI và máy chiếu được tắt tự động cùng một lúc.

Menu thiết lập lại nguồn vào

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt đầu vào.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Âm thanh

Menu Âm lượng

Chỉnh mức âm lượng.

Menu Tắt tiếng

Dùng tùy chọn này để tạm tắt âm.

- **Bật:** Chọn "Bật" để mở tiếng.
- **Tắt:** Chọn "Tắt" để tắt tiếng.

Lưu ý: Chức năng "Tắt tiếng" có ảnh hưởng đến cả âm lượng của loa trong và ngoài.

Menu loa âm thanh trong

Bật hoặc tắt loa tích hợp sẵn.

Menu đầu ra âm thanh

Bật hoặc tắt loa rời.

Menu thiết lập lại âm thanh

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt âm thanh.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu Điều khiển

Menu điều chỉnh ID thiết bị

Có thể thiết lập định nghĩa Mã nhận dạng (ID) qua menu (biên độ từ 0-99), và cho phép người dùng điều khiển máy chiếu cá nhân bằng lệnh RS232.

Lưu ý: Để biết danh sách lệnh đầy đủ của RS232, vui lòng tham khảo sổ hướng dẫn sử dụng RS232 trên trang web của chúng tôi.

Menu cài đặt điều khiển

Chức năng IR

Thiết lập cài đặt chức năng IR.

- **Bật:** Khi chọn “Bật”, máy chiếu có thể được khởi động bằng điều khiển từ xa từ bộ thu hồng ngoại ở mặt trên và mặt trước.
- **Tắt:** Nếu chọn “Tắt”, bạn không thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Khi chọn “Tắt”, bạn sẽ có thể sử dụng bàn phím.

Menu cài đặt bàn phím

Khóa bàn phím

Khi chức năng khóa bàn phím là “Bật”, bàn phím sẽ bị khóa. Tuy nhiên, bạn có thể sử dụng máy chiếu bằng điều khiển từ xa. Khi chọn “Tắt”, bạn sẽ có thể sử dụng lại Bàn phím.

Menu thiết lập lại điều khiển

Khôi phục cài đặt gốc của các cài đặt điều khiển.

SỬ DỤNG MÁY CHIẾU

Menu thông tin

Menu thông tin

Xem thông tin máy chiếu như liệt kê sau đây:

- Điều khiển
- Số Seri
- Nguồn tín hiệu
- Thông tin màu sắc
- Light Source Hours
- Chế độ hình ảnh
- ID thiết bị
- Thời gian sử dụng bộ lọc
- Chế độ nguồn ánh sáng
- Phiên bản FW

THÔNG TIN BỔ SUNG

Độ phân giải tương thích

Tín hiệu đầu vào cho HDMI

| Tín hiệu | Độ phân giải | Tốc độ cập nhật (Hz) | Các ghi chú cho máy Mac |
|-----------------|-----------------|-----------------------------------|-------------------------|
| VGA | 640 x 480 | 60 | Mac 60/72/85 |
| SVGA | 800 x 600 | 60(*2)/72/85/120(*2) | Mac 60/72/85 |
| XGA | 1024 x 768 | 48/50(*4)/60(*2)/70/75/85/120(*2) | Mac 60/70/75/85 |
| SDTV(480I) | 720 x 480 | 60 | |
| SDTV(480P) | 720 x 480 | 60 | |
| SDTV(576I) | 720 x 576 | 50 | |
| SDTV(576P) | 720 x 576 | 50 | |
| WSVGA(1024X600) | 1024 x 600 | 60 (*3) | |
| HDTV(720p) | 1280 x 720 | 50(*2)/60/120(*2) | Mac 60 |
| WXGA | 1280 x 768 | 60/75/85 | Mac 75 |
| | 1280 x 800 | 60/50/48hz(*4) | Mac 60 |
| WXGA(*5) | 1366 x 768 | 60 | |
| SXGA | 1280 x 1024 | 60/75/85 | Mac 60/75 |
| | 1440 x 900 | 60 | |
| SXGA+ | 1400 x 1050 | 60 | |
| UXGA | 1600 x 1200 | 60 | |
| HDTV(1080I) | 1920 x 1080 | 50/60 | |
| HDTV(1080p) | 1920 x 1080 | 24/30/50/60 | Mac 60 |
| WUXGA | 1920 x 1200(*1) | 60/50(*4) | Mac 60 |

Lưu ý:

- (*1) 1920 x 1200 tại 60 Hz chỉ hỗ trợ RB (giảm mất tín hiệu).
- (*2) Định giờ 3D cho máy chiếu 3D Ready (STD) và máy chiếu True 3D (Tùy chọn).
- (*3) Máy chiếu New EA & Data cần phải có định giờ này, WSVGA, Proscene và Home thì có cũng tốt.
- (*4) Máy chiếu Proscene và Data >4,000L, Độ phân giải gốc cần phải hỗ trợ 50 Hz / 48 Hz.
- (*5) Định giờ tiêu chuẩn Windows 8.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Tương thích video True 3D

| Độ phân giải đầu vào | HDMI 1.4a Đầu vào 3D | Định giờ đầu vào | | |
|----------------------|-------------------------|-------------------------------|--------------------|-------------------------|
| | | 1280 x 720P tại 50Hz | Trên dưới | |
| | | 1280 x 720P tại 60Hz | Trên dưới | |
| | | 1280 x 720P tại 50Hz | Đóng gói khung | |
| | | 1280 x 720P tại 60Hz | Đóng gói khung | |
| | | 1920 x 1080i tại 50Hz | Bên cạnh (Một nửa) | |
| | | 1920 x 1080i tại 60Hz | Bên cạnh (Một nửa) | |
| | | 1920 x 1080P tại 24Hz | Trên dưới | |
| | | 1920 x 1080P tại 24Hz | Đóng gói khung | |
| | HDMI 1.3 | 1920 x 1080i tại 50Hz | Bên cạnh (Một nửa) | Chế độ bên cạnh bật |
| | | 1920 x 1080i tại 60Hz | | |
| | | 1280 x 720P tại 50Hz | | |
| | | 1280 x 720P tại 60Hz | | |
| | | 800 x 600 tại 60Hz | | |
| | | 1024 x 768 tại 60Hz | | |
| | | 1280 x 800 tại 60Hz | | |
| | | 1920 x 1080i tại 50Hz | Trên dưới | Chế độ trên và dưới bật |
| | | 1920 x 1080i tại 60Hz | | |
| | | 1280 x 720P tại 50Hz | | |
| | | 1280 x 720P tại 60Hz | | |
| 800 x 600 tại 60Hz | | | | |
| 1024 x 768 tại 60Hz | | | | |
| 1280 x 800 tại 60Hz | Khung tuần tự | Định dạng 3D là Khung tuần tự | | |
| 1024 x 768 tại 120Hz | | | | |
| 1280x 720 tại 120Hz | | | | |

Lưu ý:

- Nếu đầu vào 3D là 1080p tại 24hz, DMD sẽ phát lại với nhiều nội dung bên trong qua chế độ 3D
- 1080i tại 25Hz và 720p tại 50Hz sẽ chạy ở mức 100Hz; các định giờ 3D khác sẽ chạy ở mức 120Hz.
- 1080P tại 24Hz sẽ chạy ở mức 144Hz.

THÔNG TIN BỔ SUNG

EDID (Kỹ thuật số)

| XGA/WXGA | | | | |
|----------------------|----------------------|------------------------------|----------------------------|-----------------------|
| B0/Định giờ cố định | B0/Định giờ chuẩn | B0/Định giờ chi tiết | B1/Chế độ video | B1/Định giờ chi tiết |
| 640 x 480 tại 60Hz | 1600 x 1200 tại 60Hz | Định giờ gốc: | 640 x 480p tại 60Hz | XGA: |
| 640 x 480 tại 67Hz | 1440 x 900 tại 60Hz | XGA: 1024 x 768 tại 60Hz | 720 (1440) x 480i tại 60Hz | 1280 x 720p tại 60Hz |
| 640 x 480 tại 72Hz | 1280 x 720 tại 60Hz | WXGA: 1280 x 800 tại 60Hz | 720 (1440) x 576i tại 50Hz | 1366 x 768 tại 60Hz |
| 640 x 480 tại 75Hz | 1280 x 800 tại 60Hz | | 720 x 480p tại 60Hz | 1920 x 1080p tại 50Hz |
| 800 x 600 tại 56Hz | 640 x 480 tại 120Hz | | 720 x 576p tại 50Hz | 1920 x 1080p tại 60Hz |
| 800 x 600 tại 60Hz | 800 x 600 tại 120Hz | | 1280 x 720p tại 60Hz | |
| 800 x 600 tại 72Hz | 1024 x 768 tại 120Hz | | 1280 x 720p tại 50Hz | WXGA: |
| 800 x 600 tại 75Hz | 1280 x 720 tại 120Hz | | 1920 x 1080i tại 60Hz | 1280 x 800p tại 120Hz |
| 1024 x 768 tại 60Hz | | | 1920 x 1080i tại 50Hz | 1366 x 768 tại 60Hz |
| 1024 x 768 tại 70Hz | | | 1920 x 1080p tại 60Hz | 1920 x 1080p tại 50Hz |
| 1024 x 768 tại 75Hz | | | 1920 x 1080p tại 50Hz | 1920 x 1080p tại 60Hz |
| 1280 x 1024 tại 75Hz | | | 1920 x 1080p tại 24Hz | |
| 1152 x 870 tại 75Hz | | | 1920 x 1080p tại 25Hz | |
| | | | 1920 x 1080p tại 30Hz | |

| 1080p | | | | |
|----------------------|----------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------------------|
| B0/Định giờ cố định | B0/Định giờ chuẩn | B0/Định giờ chi tiết | B1/Chế độ video | B1/Định giờ chi tiết |
| 640 x 480 tại 60Hz | 1280 x 1024 tại 60Hz | Định giờ gốc: | 720(1440) x 480i tại 60Hz 4:3 | 3840 x 2160p tại 60Hz |
| 640 x 480 tại 67Hz | 1400 x 1050 tại 60Hz | 1920 x 1080p tại 60Hz | 720(1440) x 576i tại 50Hz 4:3 | |
| 640 x 480 tại 72Hz | 1024 x 768 tại 120Hz | | 720 x 480p tại 60Hz 4:3 | |
| 640 x 480 tại 75Hz | 1280 x 720 tại 60Hz | | 720 x 576p tại 50Hz 4:3 | |
| 800 x 600 tại 56Hz | 1280 x 720 tại 120Hz | | 1280 x 720p tại 60Hz 16:9 | |
| 800 x 600 tại 60Hz | 1280 x 800 tại 60Hz | | 1280 x 720p tại 50Hz 16:9 | |
| 800 x 600 tại 72Hz | 1440 x 900 tại 60Hz | | 1920 x 1080i tại 60Hz 16:9 | |
| 800 x 600 tại 75Hz | 1600 x 1200 tại 60Hz | | 640 x 480p tại 60Hz 4:3 | |
| 1024 x 768 tại 60Hz | | | 1920 x 1080p tại 60Hz 16:9 | |
| 1024 x 768 tại 70Hz | | | 1920 x 1080p tại 50Hz 16:9 | |
| 1024 x 768 tại 75Hz | | | 1920 x 1080p tại 24Hz 16:9 | |
| 1280 x 1024 tại 75Hz | | | 1920 x 1080p tại 30Hz 16:9 | |
| 1152 x 870 tại 75Hz | | | 1920 x 1080p tại 120Hz 16:9 | |
| | | | 3840 x 2160p tại 24Hz 16:9 | |
| | | | 3840 x 2160p tại 25Hz 16:9 | |
| | | | 3840 x 2160p tại 30Hz 16:9 | |
| | | | 3840 x 2160p tại 50Hz 16:9 | |
| | | | 3840 x 2160p tại 60Hz 16:9 | |
| | | | 4096 x 2160p tại 24Hz 256:135 | |
| | | | 4096 x 2160p tại 25Hz 256:135 | |

THÔNG TIN BỔ SUNG

| 1080p | | | | |
|---------------------|-------------------|----------------------|--------------------------------|----------------------|
| B0/Định giờ cố định | B0/Định giờ chuẩn | B0/Định giờ chi tiết | B1/Chế độ video | B1/Định giờ chi tiết |
| | | | 4096 x 2160p tại 30Hz 256:135 | |
| | | | 4096 x 2160p tại 50Hz 256:135 | |
| | | | 4096 x 2160p tại 60Hz 256:135 | |
| | | | 720 x 480p tại 60Hz 16:9 | |
| | | | 720(1440) x 480i tại 60Hz 16:9 | |
| | | | 720 x 576p tại 50Hz 16:9 | |
| | | | 2880 x 480i tại 60Hz 16:9 | |
| | | | 1440 x 480p tại 60Hz 16:9 | |
| | | | 2880 x 576i tại 50Hz 16:9 | |
| | | | 1440 x 576p tại 50Hz 16:9 | |
| | | | 720(1440) x 576i tại 50Hz 16:9 | |

THÔNG TIN BỔ SUNG

Cỡ hình và khoảng cách chiếu

XGA

| Kích thước độ dài đường chéo màn hình (16:9) | Cỡ màn hình (Rộng x Cao) | | | | Khoảng cách chiếu (D) | | | | Bù trừ (Hd) | |
|--|--------------------------|-----------|------------|-----------|-----------------------|----------|----------|----------|-------------|--------|
| | (m) | | (inch) | | (m) | | (foot) | | (m) | (inch) |
| | Chiều rộng | Chiều cao | Chiều rộng | Chiều cao | Rộng | Xa | Rộng | Xa | | |
| 25,4 | 0,52 | 0,39 | 20,32 | 15,24 | 1,00 | 1,11 | 3,28 | 3,64 | 0,06 | 2,36 |
| 30 | 0,61 | 0,46 | 24,00 | 18,00 | 1,18 | 1,32 | Không có | 4,33 | 0,07 | 2,76 |
| 40 | 0,81 | 0,61 | 32,00 | 24,00 | 1,58 | 1,76 | 5,18 | 5,77 | 0,09 | 3,54 |
| 50 | 1,02 | 0,76 | 40,00 | 30,00 | 1,97 | 2,19 | 6,46 | 7,19 | 0,12 | 4,72 |
| 60 | 1,22 | 0,91 | 48,00 | 36,00 | 2,37 | 2,63 | 7,78 | 8,63 | 0,14 | 5,51 |
| 70 | 1,42 | 1,07 | 56,00 | 42,00 | 2,76 | 3,07 | 9,06 | 10,07 | 0,16 | 6,30 |
| 80 | 1,63 | 1,22 | 64,00 | 48,00 | 3,15 | 3,51 | 10,33 | 11,52 | 0,18 | 7,09 |
| 90 | 1,83 | 1,37 | 72,00 | 54,00 | 3,55 | 3,95 | 11,65 | 12,96 | 0,21 | 8,27 |
| 100 | 2,03 | 1,52 | 80,00 | 60,00 | 3,94 | 4,39 | 12,93 | 14,40 | 0,23 | 9,06 |
| 120 | 2,44 | 1,83 | 96,00 | 72,00 | 4,73 | 5,27 | 15,52 | 17,29 | 0,27 | 10,63 |
| 150 | 3,05 | 2,29 | 120,00 | 90,00 | 5,91 | 6,58 | 19,39 | 21,59 | 0,34 | 13,39 |
| 180 | 3,66 | 2,74 | 144,00 | 108,00 | 7,10 | 7,90 | 23,29 | 25,92 | 0,41 | 16,14 |
| 200 | 4,06 | 3,05 | 160,00 | 120,00 | 7,88 | 8,78 | 25,85 | 28,81 | 0,46 | 18,11 |
| 250 | 5,08 | 3,81 | 200,00 | 150,00 | 9,86 | 10,97 | 32,35 | 35,99 | 0,57 | 22,44 |
| 300 | 6,10 | 4,57 | 240,00 | 180,00 | 11,83 | Không có | 38,81 | Không có | 0,69 | 27,17 |

Lưu ý: Tỷ lệ thu phóng: 1.1x

WXGA

| Kích thước độ dài đường chéo màn hình (16:9) | Cỡ màn hình (Rộng x Cao) | | | | Khoảng cách chiếu (D) | | | | Bù trừ (Hd) | |
|--|--------------------------|-----------|------------|-----------|-----------------------|----------|----------|----------|-------------|--------|
| | (m) | | (inch) | | (m) | | (foot) | | (m) | (inch) |
| | Chiều rộng | Chiều cao | Chiều rộng | Chiều cao | Rộng | Xa | Rộng | Xa | | |
| 30 | 0,65 | 0,4 | 25,44 | 15,90 | 1,00 | 1,11 | Không có | 3,64 | 0,05 | 1,97 |
| 40 | 0,86 | 0,54 | 33,92 | 21,20 | 1,33 | 1,48 | 4,36 | 4,86 | 0,06 | 2,36 |
| 50 | 1,08 | 0,67 | 42,40 | 26,50 | 1,66 | 1,85 | 5,45 | 6,07 | 0,08 | 3,15 |
| 60 | 1,29 | 0,81 | 50,88 | 31,80 | 2,00 | 2,22 | 6,56 | 7,28 | 0,09 | 3,54 |
| 70 | 1,51 | 0,94 | 59,36 | 37,10 | 2,33 | 2,59 | 7,64 | 8,50 | 0,12 | 4,72 |
| 80 | 1,72 | 1,08 | 67,84 | 42,40 | 2,66 | 2,96 | 8,73 | 9,71 | 0,13 | 5,12 |
| 90 | 1,94 | 1,21 | 76,32 | 47,70 | 2,99 | 3,33 | 9,81 | 10,93 | 0,15 | 5,91 |
| 100 | 2,15 | 1,35 | 84,80 | 53,00 | 3,33 | 3,70 | 10,93 | 12,14 | 0,16 | 6,30 |
| 120 | 2,58 | 1,62 | 101,76 | 63,60 | 3,99 | 4,45 | 13,09 | 14,60 | 0,19 | 7,48 |
| 150 | 3,23 | 2,02 | 127,20 | 79,50 | 4,99 | 5,56 | 16,37 | 18,24 | 0,24 | 9,45 |
| 180 | 3,88 | 2,42 | 152,64 | 95,40 | 5,99 | 6,67 | 19,65 | 21,88 | 0,29 | 11,42 |
| 200 | 4,31 | 2,69 | 169,60 | 106,00 | 6,65 | 7,41 | 21,82 | 24,31 | 0,33 | 12,99 |
| 250 | 5,38 | 3,37 | 212,00 | 132,50 | 8,31 | 9,26 | 27,26 | 30,38 | 0,40 | 15,75 |
| 300 | 6,46 | 4,04 | 254,40 | 159,00 | 9,98 | Không có | 32,74 | Không có | 0,48 | 18,90 |

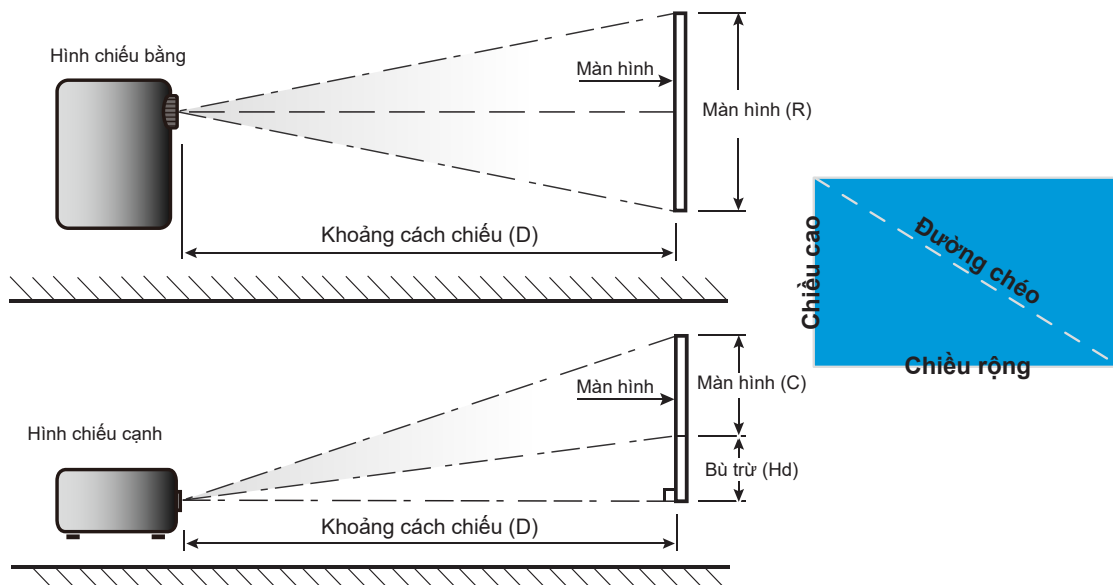
Lưu ý: Tỷ lệ thu phóng: 1.1x

THÔNG TIN BỔ SUNG

1080p

| Kích thước độ dài đường chéo màn hình (16:9) | Cỡ màn hình (Rộng x Cao) | | | | Khoảng cách chiếu (D) | | | | Bù trừ (Hd) | |
|--|--------------------------|-----------|------------|-----------|-----------------------|----------|----------|----------|-------------|--------|
| | (m) | | (inch) | | (m) | | (foot) | | (m) | (inch) |
| | Chiều rộng | Chiều cao | Chiều rộng | Chiều cao | Rộng | Xa | Rộng | Xa | | |
| 24,5 | 0,54 | 0,31 | 21,35 | 12,01 | 0,80 | 0,88 | Không có | 2,89 | 0,04 | 1,57 |
| 30 | 0,66 | 0,37 | 26,15 | 14,71 | 0,98 | 1,08 | Không có | 3,54 | 0,06 | 2,36 |
| 40 | 0,89 | 0,5 | 34,86 | 19,6 | 1,31 | 1,43 | 4,30 | 4,69 | 0,08 | 3,15 |
| 50 | 1,11 | 0,62 | 43,58 | 24,5 | 1,63 | 1,79 | 5,35 | 5,87 | 0,10 | 3,94 |
| 60 | 1,33 | 0,75 | 52,29 | 29,4 | 1,96 | 2,15 | 6,43 | 7,05 | 0,12 | 4,72 |
| 70 | 1,55 | 0,87 | 61,01 | 34,3 | 2,29 | 2,51 | 7,51 | 8,23 | 0,14 | 5,51 |
| 80 | 1,77 | 1 | 69,73 | 39,2 | 2,61 | 2,87 | 8,56 | 9,42 | 0,16 | 6,30 |
| 90 | 1,99 | 1,12 | 78,44 | 44,1 | 2,94 | 3,23 | 9,65 | 10,60 | 0,18 | 7,09 |
| 100 | 2,21 | 1,25 | 87,16 | 49 | 3,27 | 3,58 | 10,73 | 11,75 | 0,19 | 7,48 |
| 120 | 2,66 | 1,49 | 104,59 | 58,8 | 3,92 | 4,30 | 12,86 | 14,11 | 0,24 | 9,45 |
| 150 | 3,32 | 1,87 | 130,74 | 73,5 | 4,90 | 5,38 | 16,08 | 17,65 | 0,30 | 11,81 |
| 180 | 3,98 | 2,24 | 156,88 | 88,2 | 5,88 | 6,45 | 19,29 | 21,16 | 0,36 | 14,17 |
| 200 | 4,43 | 2,49 | 174,32 | 98,1 | 6,54 | 7,17 | 21,46 | 23,52 | 0,40 | 15,75 |
| 250 | 5,53 | 3,11 | 217,89 | 122,6 | 8,17 | 8,96 | 26,80 | 29,40 | 0,50 | 19,69 |
| 300 | 6,64 | 3,74 | 261,47 | 147,1 | 9,80 | 10,75 | 32,15 | 35,27 | 0,59 | 23,23 |
| 306 | 6,77 | 3,81 | 266,70 | 150 | 10,00 | Không có | 32,81 | Không có | 0,61 | 24,02 |

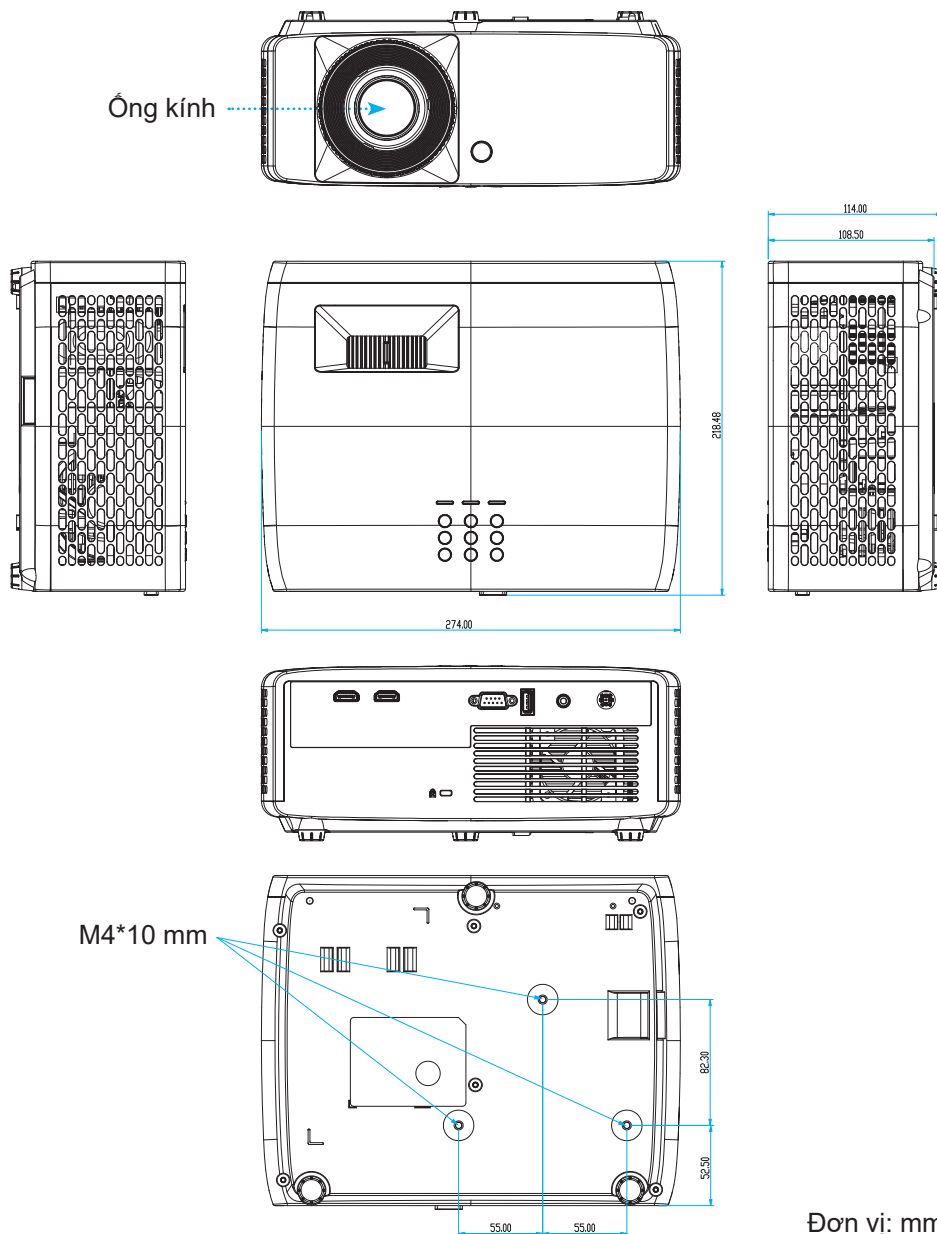
Lưu ý: Tỷ lệ thu phóng: 1.1x



THÔNG TIN BỔ SUNG

Kích thước máy chiếu và lắp đặt giá treo trần

1. Để tránh làm hư hỏng máy chiếu, hãy sử dụng giá treo trần nhà Optoma.
2. Nếu bạn muốn sử dụng bộ giá treo trần từ hãng thứ ba, hãy đảm bảo sử dụng các ốc vít để gắn giá treo vào máy chiếu đáp ứng các thông số kỹ thuật sau:
 - Loại vít: M4*10 mm
 - Chiều dài vít tối thiểu: 10 mm



Lưu ý: Xin lưu ý rằng thiệt hại do lắp đặt máy chiếu không đúng cách sẽ không hưởng được chính sách bảo hành.



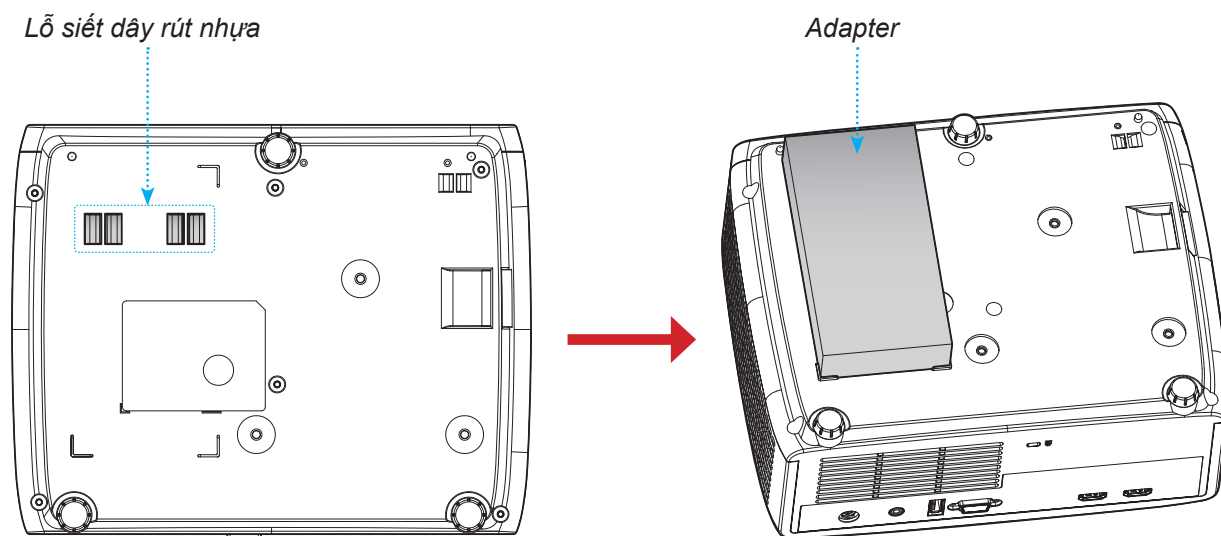
Cảnh báo:

- Nếu bạn mua giá treo trần nhà của công ty khác, hãy nhớ sử dụng đúng cỡ ốc vít. Cỡ ốc vít sẽ thay đổi tùy thuộc vào độ dày của tấm treo.
- Hãy nhớ chừa lại khe hở ít nhất 10 cm giữa trần nhà và đáy của máy chiếu.
- Tránh lắp đặt máy chiếu gần nguồn nhiệt.

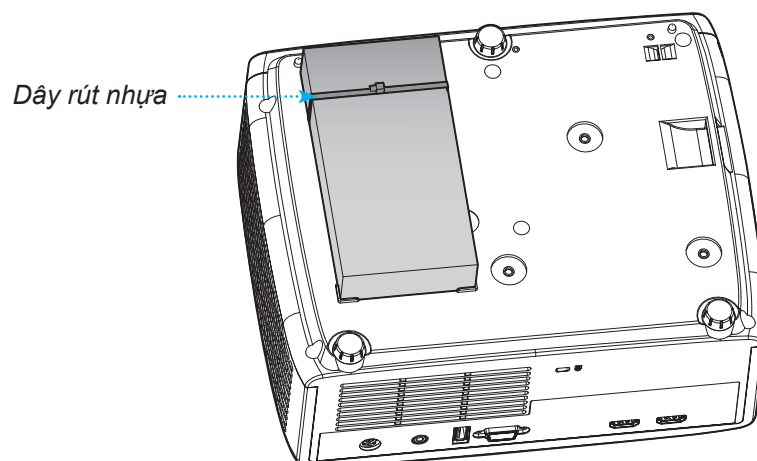
THÔNG TIN BỔ SUNG

Khi treo trên trần nhà, bạn có thể mua dây rút nhựa có chiều dài hơn 250 mm để cố định adapter AC nếu cần thiết.

1. Hãy thắt dây rút nhựa tại các lỗ chỉ định ở phía dưới máy chiếu. Sau đó đặt adapter AC vào đúng khe.



2. Cố định adapter AC bằng dây rút nhựa.









THÔNG TIN BỔ SUNG

Mã điều khiển hồng ngoại



| Phím | Định dạng NEC | Mã khách hàng | | Mã phím | | Mô tả | |
|----------------------------------|---------------|---------------|--------|---------|--------|-------|--|
| | | Byte 1 | Byte 2 | Byte 3 | Byte 4 | | |
| Nguồn | | Định dạng 1 | 32 | CD | 02 | FD | Nhấn để bật/tắt máy chiếu. |
| Tỉ lệ khung hình | | Định dạng 1 | 32 | CD | 64 | 9B | Nhấn để đổi tỷ lệ khung hình của hình ảnh hiển thị. |
| Nguồn tín hiệu | | Định dạng 1 | 32 | CD | C3 | 3C | Nhấn để chọn tín hiệu đầu vào. |
| Chế độ | | Định dạng 1 | 32 | CD | 5 | FA | Nhấn để đổi Chế độ hình ảnh của hình ảnh hiển thị. |
| Bốn phím điều hướng (Lên) | | Định dạng 2 | 32 | CD | 11 | EE | Nhấn để chọn các mục hoặc điều chỉnh lựa chọn của bạn. |
| Bốn phím chọn điều hướng (Trái) | | Định dạng 2 | 32 | CD | 10 | EF | |
| Bốn phím chọn điều hướng (Phải) | | Định dạng 2 | 32 | CD | 12 | ED | |
| Bốn phím chọn điều hướng (Xuống) | | Định dạng 2 | 32 | CD | 14 | EB | |
| Nhập | | Định dạng 1 | 32 | CD | 0F | F0 | Xác nhận lựa chọn mục của bạn. |
| Cài đặt / Menu cài đặt | | Định dạng 1 | 32 | CD | A8 | 57 | Nhấn để vào Menu cài đặt. |
| Quay lại | | Định dạng 1 | 32 | CD | 0D | F2 | Nhấn để trở về menu trước. |
| Menu | | Định dạng 1 | 32 | CD | 0E | F1 | Nhấn để hiển thị hoặc thoát các menu OSD. |

THÔNG TIN BỔ SUNG


| Phím | | Định dạng NEC | Mã khách hàng | | Mã phím | | Mô tả |
|-----------------------|---|---------------|---------------|--------|---------|--------|---|
| | | | Byte 1 | Byte 2 | Byte 3 | Byte 4 | |
| Âm lượng - |  | Định dạng 2 | 32 | CD | 8F | 70 | Nhấn để giảm âm lượng. |
| Tắt tiếng |  | Định dạng 1 | 32 | CD | 52 | AD | Nhấn để bật/tắt tạm âm thanh. |
| Âm lượng + |  | Định dạng 2 | 32 | CD | 8C | 73 | Nhấn để chỉnh tăng âm lượng. |
| Đóng băng |  | Định dạng 1 | 32 | CD | 06 | F9 | Nhấn để treo hình máy chiếu. |
| Điều chỉnh vuông hình |  | Định dạng 1 | 32 | CD | 7 | F8 | Nhấn để chỉnh độ méo hình do nghiêng máy chiếu. |
| Chặn AV |  | Định dạng 1 | 32 | CD | 03 | FC | Nhấn để ẩn/hiện ảnh màn hình và tắt/bật âm thanh. |

THÔNG TIN BỔ SUNG


Khắc phục sự cố

Nếu bạn gặp một sự cố với máy chiếu, vui lòng tham khảo thông tin dưới đây. Nếu sự cố vẫn tiếp diễn, vui lòng liên hệ với đại lý hoặc trung tâm dịch vụ địa phương.


Các sự cố về hình ảnh

-  *Không có hình ảnh trên màn hình*


 - Đảm bảo mọi cáp và kết nối nguồn đều được cắm đúng và chắc chắn như được mô tả trong phần "Cài đặt".
 - Đảm bảo tất cả các chân của đầu nối không bị cong hay gãy.
 - Đảm bảo chưa bật tính năng "Chặn AV".

-  *Hình ảnh lệch tiêu điểm*


 - Xoay vòng lấy nét theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ cho đến khi hình chiếu sắc nét và rõ ràng. (Vui lòng xem trang 17).
 - Đảm bảo màn chiếu nằm giữa khoảng cách yêu cầu với máy chiếu. (Vui lòng tham khảo trang 46~47).

-  *Hình ảnh bị kéo giãn khi hiển thị tiêu đề 16:9 DVD*


 - Khi bạn phát DVD tiệm biến hay DVD 16:9, máy chiếu sẽ hiển thị hình ảnh tốt nhất ở định dạng 16: 9 ở bên máy chiếu.
 - Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng V-Stretch, hãy đổi định dạng sang V-Stretch trong menu OSD của máy chiếu.
 - Nếu bạn phát tiêu đề DVD định dạng 4:3, hãy thay đổi định dạng sang 4:3 trong OSD của máy chiếu.
 - Vui lòng thiết lập định dạng hiển thị là loại tỉ lệ màn hình 16:9 (rộng) trên máy phát DVD.

-  *Hình ảnh quá nhỏ hoặc quá lớn*

 - Hãy xoay vòng chỉnh thu phóng theo hoặc ngược chiều kim đồng hồ để tăng hoặc giảm kích thước hình chiếu. (Vui lòng xem trang 17).
 - Đặt máy chiếu gần hoặc xa màn chiếu hơn.
 - Nhấn "Menu" trên bảng điều khiển máy chiếu, truy cập "HIỂN THỊ → Tỉ lệ khung hình". Thử dùng các cài đặt khác.

-  *Hình ảnh có các mặt nghiêng:*

 - Nếu có thể, chỉnh lại vị trí máy chiếu sao cho nó nằm giữa màn hình và thấp hơn đáy của màn hình.

-  *Hình ảnh bị đảo ngược*

 - Chọn "HIỂN THỊ → Vị trí chiếu" từ menu OSD và điều chỉnh hướng chiếu.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Các sự cố khác

 *Máy chiếu dừng đáp ứng với mọi điều khiển*

- Nếu có thể, hãy tắt máy chiếu, sau đó rút dây nguồn và chờ ít nhất 20 giây trước khi cắm lại nguồn.

Các sự cố về bộ điều khiển từ xa

 *Nếu điều khiển từ xa không hoạt động*

- Kiểm tra xem góc hoạt động của điều khiển từ xa có chứa trong phạm vi $\pm 15^\circ$ sang bộ thu hồng ngoại (IR) trên máy chiếu hay không.
- Đảm bảo không có bất kỳ vật cản nào giữa điều khiển từ xa và máy chiếu. Di chuyển trong phạm vi 6 mét (19,7 foot) so với máy chiếu.
- Đảm bảo pin được lắp đúng cách.
- Thay pin nếu pin đã cạn.

THÔNG TIN BỔ SUNG

Chỉ báo cảnh báo

Khi các đèn cảnh báo (xem bên dưới) sáng lên hoặc nhấp nháy, máy chiếu sẽ tự động tắt:

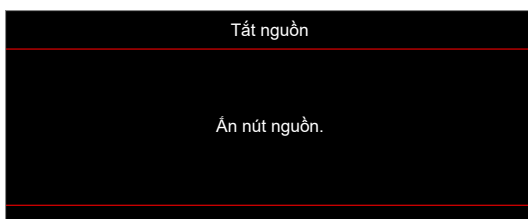
- Chỉ báo LED “Đèn” sáng đỏ và nếu chỉ báo “Nguồn” nhấp nháy màu đỏ.
- Chỉ báo LED “Nhiệt độ” sáng đỏ và nếu chỉ báo “Nguồn” nhấp nháy màu đỏ. Dấu hiệu này cho biết máy chiếu đã quá nóng. Dưới các điều kiện bình thường, máy chiếu có thể được bật trở lại.
- Chỉ báo LED “Nhiệt độ” nhấp nháy màu đỏ và nếu chỉ báo “Nguồn” nhấp nháy màu đỏ.

Rút dây nguồn khỏi máy chiếu, đợi 30 giây rồi thử lại. Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy, vui lòng liên hệ với trung tâm bảo hành gần nhất để được trợ giúp.

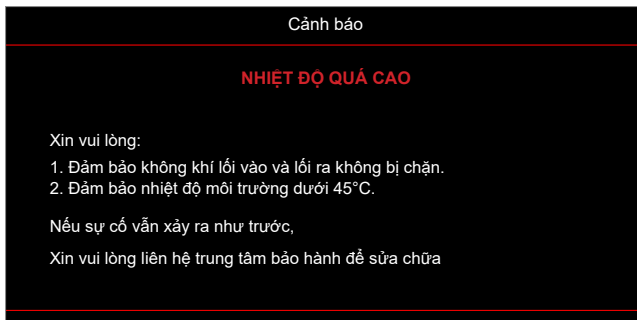
Thông báo sáng đèn LED

| Tin nhắn | Đèn LED NGUỒN | | Đèn LED nhiệt độ | Đèn LED bóng đèn |
|------------------------------------|---------------|--|------------------|------------------|
| | (Đỏ) | (Lam) | (Đỏ) | (Đỏ) |
| Trạng thái chờ (Dây nguồn đầu vào) | Sáng ổn định | | | |
| Nguồn bật (Làm nóng) | | Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây) | | |
| Bật nguồn và Ánh sáng đèn | | Sáng ổn định | | |
| Nguồn tắt (Làm nguội) | | Nhấp nháy (tắt 0,5 giây/bật 0,5 giây). Trở về đèn đỏ ổn định khi quạt làm nguội tắt. | | |
| Lỗi (Đèn hỏng) | Nhấp nháy | | | Sáng ổn định |
| Lỗi (Quạt hỏng) | Nhấp nháy | | Nhấp nháy | |
| Lỗi (Quá nhiệt) | Nhấp nháy | | Sáng ổn định | |

- Tắt nguồn:



- Cảnh báo nhiệt độ:



THÔNG TIN BỔ SUNG

Thông số kỹ thuật

| Mục | Mô tả | |
|-------------------------------|---|---|
| Công nghệ | <ul style="list-style-type: none">XGA: Texas Instrument DMD, 0,55" S450 DMDWXGA: Texas Instrument DMD, 0,65" S450 DMD1080p: Texas Instrument DMD, 0,65" S600 DMD | |
| Độ phân giải gốc | <ul style="list-style-type: none">XGA: 1024 x 768WXGA: 1280 x 8001080p: 1920 x 1080 | |
| Ống kính | Tỷ lệ lệch tâm chuẩn | <ul style="list-style-type: none">XGA: 1,94 ~ 2,16 (60" tại 2,37 m)WXGA: 1,54 ~ 1,72 (60" tại 2,37 m)1080p: 1,48 ~ 1,62 (61" tại 2,0 m) |
| | Khẩu độ | <ul style="list-style-type: none">XGA/WXGA: 2,41~2,531080p: 2,5~2,67 |
| | Tiêu cự: | <ul style="list-style-type: none">XGA: 21,85 ~ 24,01 mmWXGA: 21,85 ~ 24,00 mm1080p: 12,81 ~ 16,74 mm |
| | Phạm vi thu phóng: | 1.1x |
| Độ lệch | <ul style="list-style-type: none">XGA: 115% tại 60", dung sai ±5%WXGA: 100%~ 112% tại 60", dung sai ±5%1080p: 100% ~116% tại 60", dung sai ±5% | |
| Kích cỡ ảnh | <ul style="list-style-type: none">XGA/WXGA: Tối ưu góc rộng 60" tại 2,37 m1080p: Tối ưu góc rộng 61" tại 2,0 m | |
| Khoảng cách chiếu | <ul style="list-style-type: none">XGA: Cơ chế di chuyển 1 m đến 11,8 m, phạm vi quang học tối ưu 1 m đến 10 mWXGA: Cơ chế di chuyển 1 m đến 10 m, phạm vi quang học tối ưu 1 m đến 10 m1080p: Cơ chế di chuyển 0,8 m đến 10 m, phạm vi quang học tối ưu 1 m đến 5 m | |
| Cổng I/O | <ul style="list-style-type: none">HDMI 1 (HDMI 1.4b [mẫu XGA/WXGA] / HDMI 2.0 [mẫu 1080p])HDMI 2 (HDMI 2.0 [mẫu XGA/WXGA] / HDMI 2.2 [mẫu 1080p])USB Loại A cho USB nguồn 5V/1,5AĐầu ra âm thanh 3,5mmRS232 | |
| Màu sắc | 1073,4 triệu màu | |
| Tốc độ quét | <ul style="list-style-type: none">Tốc độ dò ngang: 15KHz ~ 140KHzTốc độ dò dọc: 24Hz ~ 120Hz | |
| Loa | 15W | |
| Tiêu thụ điện năng | <ul style="list-style-type: none">Chế độ tiết kiệm 89W (thông thường) tại 110VAC; 887W tại 220VACChế độ sáng: 140W (thông thường) tại 110VAC; 139W tại 220VAC | |
| Dòng điện vào | DC 19,5V, 9,23A | |
| Hướng lắp đặt | Mặt trước, Phía sau, Trần, Phía sau-phía trên | |
| Kích thước (Rộng x Dày x Cao) | <ul style="list-style-type: none">Không có chân đế: 274 x 216 x 108,5 mmCó chân đế: 274 x 216 x 114 mm | |
| Trọng lượng | 3,0 ±0,2 kg | |
| Môi trường | Hoạt động ở 0~40°C, độ ẩm 80%(tối đa, không ngưng tụ) | |

Lưu ý: Mọi thông số kỹ thuật chịu sự thay đổi mà không cần thông báo.




THÔNG TIN BỔ SUNG

Văn phòng toàn cầu của Optoma

Để được bảo dưỡng hoặc hỗ trợ, vui lòng liên hệ với văn phòng địa phương.




Hoa Kỳ

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com




Canada

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com


Châu Mỹ Latin

Optoma Technology, Inc.
47697 Westinghouse Drive.
Fremont, Ca 94539

 888-289-6786
 510-897-8601
 services@optoma.com



Châu Âu

Unit 1, Network 41, Bourne End Mills
Hemel Hempstead, Herts,
HP1 2UJ, United Kingdom
www.optoma.eu
Điện thoại bảo hành:
+44 (0)1923 691865

 +44 (0) 1923 691 800
 +44 (0) 1923 691 888
 service@tsc-europe.com




Benelux BV

Randstad 22-123
1316 BW Almere
The Netherlands
www.optoma.nl

 +31 (0) 36 820 0252
 +31 (0) 36 548 9052


Pháp

Bâtiment E
81-83 avenue Edouard Vaillant
92100 Boulogne Billancourt, France

 +33 1 41 46 12 20
 +33 1 41 46 94 35
 savoptoma@optoma.fr




Spain

C/ José Hierro,36 Of. 1C
28522 Rivas VaciaMadrid,
Spain

 +34 91 499 06 06
 +34 91 670 08 32




Đức

Am Nordpark 3
41069 Mönchengladbach
Germany

 +49 (0) 2161 68643 0
 +49 (0) 2161 68643 99
 info@optoma.de

Scandinavia

Lerpeveien 25
3040 Drammen
Norway

 +47 32 98 89 90
 +47 32 98 89 99
 info@optoma.no

PO.BOX 9515
3038 Drammen
Norway

Hàn Quốc

<https://www.optoma.com/kr/>

Nhật Bản



<https://www.optoma.com/jp/>

Đài Loan

<https://www.optoma.com/tw/>

Trung Quốc

Room 2001, 20F, Building 4,
No.1398 Kaixuan Road,
Changning District
Shanghai, 200052, China

 +86-21-62947376
 +86-21-62947375
www.optoma.com.cn

Úc

<https://www.optoma.com/au/>

